

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI CẤP ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

# BẢN CÁO BẠCH

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN BẮC HÀ

(Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102141313 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lào Cai cấp, đăng ký lần đầu ngày 15/01/2007, thay đổi lần thứ 11 ngày 28/11/2018)

### NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN

### SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

(Quyết định đăng ký niêm yết số: ...../QĐ-SGDHN do Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội cấp ngày ... tháng. .... năm 2019)

**BẢN CÁO BẠCH NÀY VÀ TÀI LIỆU BỔ SUNG SẼ ĐƯỢC CUNG CẤP TẠI**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN BẮC HÀ**

**Trụ sở chính:** Thôn Nậm Thàng, Xã Bản Liên, Huyện Bắc Hà, Tỉnh Lào Cai

**Điện thoại:** 0203780702 Fax : 0203780702

Web: [www.eba.asia](http://www.eba.asia)

#### CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI

**Trụ sở chính:** Tầng 1-5 Tòa nhà Unimex Hà Nội, số 41 Ngô Quyền, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

**Điện thoại:** (84.24) 3818 1888 Fax: (84.24) 3818 1688

Web: [www.shs.com.vn](http://www.shs.com.vn)

**CN TP.HCM:** Tầng 1-3, Tòa nhà Artex Sài Gòn, Số 236 – 238 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, Tp.HCM

**Điện thoại:** (84.28) 3915 1368 Fax: (84.28) 3915 1369

**CN Đà Nẵng:** Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2, Số 03 Lê Đình Lý, P.Vĩnh Trung, Q.Thanh Khê, Đà Nẵng.

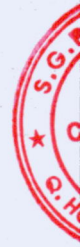
**Điện thoại:** (84.236) 3525 777 Fax: (84.236) 3525 779

#### PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN

**Họ và tên:** Đặng Quang Đạt

**Chức vụ:** Chủ tịch Hội đồng quản trị

**Điện thoại:** 0366 777 668



# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN BẮC NÀ

(Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102141313 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lào Cai cấp, đăng ký lần đầu ngày 15/01/2007, thay đổi lần thứ 11 ngày 28/11/2018)

## NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Tên cổ phiếu	: Cổ phiếu Công ty cổ phần Điện Bắc Nà
Loại cổ phiếu	: Cổ phiếu phổ thông
Mã cổ phiếu	: EBA
Mệnh giá	: 10.000 đồng/cổ phiếu
Tổng số lượng niêm yết	: 15.500.000 cổ phiếu
Tổng giá trị niêm yết theo mệnh giá	: 155.000.000.000 đồng

### TỔ CHỨC TƯ VẤN

#### Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội

Trụ sở chính: Tầng 1-5 Tòa nhà Unimex Hà Nội, số 41 Ngô Quyền, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: (84.24) 3818 1888 Fax: (84.24) 3818 1688

Web: [www.shs.com.vn](http://www.shs.com.vn)

CN TP.HCM: Tầng 1-3, Tòa nhà Artex Sài Gòn, Số 236 – 238 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, Tp.HCM

Điện thoại: (84.28) 3915 1368 Fax: (84.28) 3915 1369

CN Đà Nẵng: Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2, Số 03 Lê Đình Lý, P.Vĩnh Trung Q.Thanh Khê, Đà Nẵng

Điện thoại: (84.236) 3525 777 Fax: (84.236) 3525 779

### TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

#### Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC

Trụ sở chính: Lô 78-80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Điện thoại: 0236.3655886 Fax: 0236.3655887

Web: [www.aac.com.vn](http://www.aac.com.vn)



## MỤC LỤC

<b>I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO ẢNH HƯỞNG ĐẾN GIÁ CẢ CHỨNG KHOÁN.....</b>	<b>5</b>
1. Rủi ro về kinh tế.....	5
2. Rủi ro về luật pháp.....	8
3. Rủi ro đặc thù.....	9
4. Rủi ro khác.....	10
<b>II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH.....</b>	<b>12</b>
1. Tổ chức niêm yết.....	12
2. Tổ chức tư vấn.....	12
<b>III. CÁC KHÁI NIỆM.....</b>	<b>13</b>
1. Từ ngữ:.....	13
2. Các chữ viết tắt:.....	15
<b>IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT.....</b>	<b>16</b>
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển.....	16
2. Cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý của Công ty.....	21
3. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông.....	25
4. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức đăng ký niêm yết, những công ty mà tổ chức đăng ký niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức đăng ký niêm yết.....	27
5. Hoạt động kinh doanh.....	27
6. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.....	36
7. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành.....	39
8. Chính sách đối với người lao động.....	44
9. Chính sách cổ tức.....	46
10. Tình hình hoạt động tài chính.....	46
11. Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng.....	52
12. Tài sản.....	67
13. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong các năm tiếp theo.....	69
14. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức.....	73

15.	Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết.....	73
16.	Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán niêm yết.....	73
<b>V.</b>	<b>CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT .....</b>	<b>73</b>
1.	Loại chứng khoán.....	73
2.	Mã chứng khoán.....	73
3.	Mệnh giá.....	73
4.	Tổng số chứng khoán niêm yết .....	74
5.	Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của tổ chức phát hành .....	74
6.	Phương pháp tính giá .....	75
7.	Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài .....	76
8.	Các loại thuế có liên quan .....	77
<b>VI.</b>	<b>CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT .....</b>	<b>79</b>
1.	Tổ chức tư vấn niêm yết.....	79
2.	Tổ chức kiểm toán.....	79
<b>VII.</b>	<b>PHỤ LỤC .....</b>	<b>79</b>
1.	Phụ lục I: Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh .....	79
2.	Phụ lục II: Bản sao hợp lệ Điều lệ Tổng công ty .....	79
3.	Phụ lục III: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2018, báo cáo tài chính Quý 3/2019;.....	79



## I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO ẢNH HƯỞNG ĐẾN GIÁ CẢ CHỨNG KHOÁN

### 1. Rủi ro về kinh tế

#### 1.1. Tăng trưởng kinh tế

Thực trạng và xu hướng phát triển của nền kinh tế trong nước luôn ảnh hưởng đến sự tồn tại và phát triển của các doanh nghiệp. Khi nền kinh tế ở giai đoạn tăng trưởng cao sẽ tạo nhiều cơ hội cho doanh nghiệp phát triển. Ngược lại, khi nền kinh tế sa sút, suy thoái sẽ gây ảnh hưởng tiêu cực cho các doanh nghiệp.

Nền kinh tế Việt Nam giai đoạn 2008 - 2012 phải đối mặt với những khó khăn, thách thức lớn như: hàng chục nghìn doanh nghiệp phá sản, mặt bằng lãi suất cao, các tổ chức trung gian tài chính (trong đó tiêu biểu là các tổ chức tín dụng) phải đối mặt với việc tái cơ cấu hoặc/và thu hẹp quy mô hoạt động. Bước sang giai đoạn 2013-2014, tuy vẫn còn nhiều khó khăn nhưng kinh tế Việt Nam đã có những biến chuyển theo hướng tích cực hơn, mức tăng GDP cả năm 2013 đạt 5,42%, năm 2014 đạt 5,98%. Năm 2015, tốc độ tăng trưởng kinh tế đạt 6,68%, tốc độ tăng cao nhất trong vòng 5 năm trở lại đây. Năm 2016, tốc độ tăng trưởng GDP giảm nhẹ, chỉ đạt 6,21% không đạt mục tiêu Quốc hội đặt ra. Tuy nhiên, mức tăng trưởng GDP vẫn đạt trên 6%/năm, đây là một dấu hiệu khả quan cho thấy mặc dù tình hình kinh tế thế giới và trong nước còn nhiều khó khăn nhưng nền kinh tế nước ta đang tiếp tục phục hồi. Năm 2017, mức tăng trưởng GDP vượt mục tiêu đề ra, đạt 6,7%, cao hơn mức tăng của các năm trước đó.

Năm 2018 GDP tăng 7,08%, là mức tăng cao nhất kể từ năm 2008 trở về đây. GDP 6 tháng đầu năm 2019 ước tính tăng 6,76% so với cùng kỳ năm trước, trong đó tăng trưởng quý II ước đạt 6,71%. Con số này thấp hơn mức 7,05% cùng kỳ năm 2018 nhưng cao hơn mức tăng của 6 tháng các năm 2011-2017.

Với tốc độ tăng nhanh của nền kinh tế, nhu cầu về năng lượng cung cấp là một trong những nhân tố thiết yếu phải đáp ứng song song với mức độ tăng trưởng. Trong đó, điện từ thủy điện cũng đóng góp không nhỏ vào nhu cầu sử dụng điện của quốc gia. Những biến động của kinh tế vĩ mô trong và ngoài nước sẽ phần nào tác động đến sự phát triển của các thành phần kinh tế và gián tiếp ảnh hưởng tới năng suất tiêu thụ điện năng. Tuy nhiên sự ảnh hưởng này không đáng kể do ngành điện vẫn trong giai đoạn tăng trưởng, nguồn cung không đáp ứng đủ cầu và đây cũng là một trong những ngành đang được chính phủ khuyến khích đầu tư.

#### 1.2. Lạm phát

Với nỗ lực từ phía Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước, cung tiền được điều tiết hợp lý, mặt bằng giá cả ổn định hơn đã kìm hãm được mức tăng của chỉ số CPI. Điều này được

thể hiện khá rõ qua các báo cáo của Tổng cục thống kê về tình hình kinh tế xã hội Việt Nam năm 2013 và 2014. Theo báo cáo này, năm 2013 và năm 2014 chỉ số CPI bình quân chỉ còn tăng lần lượt là 6,04% và 1,84% so với năm 2012 và năm 2013. Năm 2015, lạm phát Việt Nam là 0,63%, mức thấp nhất trong 10 năm qua. Đây là dấu hiệu tích cực cho thấy mục tiêu kiểm soát lạm phát và ổn định vĩ mô của Việt Nam đã phát huy tác dụng, nhờ vậy các doanh nghiệp có thể yên tâm phát triển sản xuất kinh doanh. Giai đoạn 2016 – đầu năm 2017, tỷ lệ lạm phát có dấu hiệu tăng trở lại, lên mức 4,47% trước khi giảm nhẹ về 4,15% theo số liệu tại Quý II/2017.

Lạm phát trong năm 2017 được kiểm soát và nằm trong giới hạn mục tiêu 5% mà Quốc hội đề ra, CPI bình quân năm 2017 chỉ tăng 3,53% so với bình quân năm 2016. Lạm phát trong giai đoạn này chủ yếu tăng do biến động tăng giá của giá nguyên nhiên, vật liệu, lương thực thực phẩm, dịch vụ y tế, tăng giá học phí và điều chỉnh tăng tiền lương tối thiểu vùng và lương cơ sở.

CPI bình quân năm 2018 tăng 3,54% so với bình quân năm 2017, CPI bình quân 6 tháng đầu năm 2019 tăng 2,64% so với bình quân cùng kỳ năm 2018.

Lạm phát là yếu tố vĩ mô tác động đến mọi chủ thể trong nền kinh tế, ảnh hưởng không nhỏ đến nền kinh tế nói chung và Công ty nói riêng. Chỉ số lạm phát ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty thông qua các chi phí đầu vào. Lạm phát gia tăng sẽ khiến chi phí nhân công, cung cấp dịch vụ của Công ty tăng cao. Để giảm thiểu tác động của rủi ro lạm phát đến hoạt động kinh doanh, Công ty luôn tăng cường hệ thống quản trị rủi ro và chủ động trong công tác dự báo kinh tế vĩ mô và thị trường chứng khoán.

### **1.3. Tỷ giá hối đoái**

Khi xuất hiện các khoản thanh toán với các đối tác nước ngoài, doanh nghiệp phải chuyển đổi từ VND sang ngoại tệ và ngược lại. Doanh nghiệp xuất khẩu sẽ gặp rủi ro nếu ngoại tệ nhận về giảm giá so với VND và doanh nghiệp nhập khẩu bị thiệt hại nếu ngoại tệ họ cần mua để thanh toán tăng giá so với VND. Năm 2017, tỷ giá được coi là ổn định khi gần như chỉ đi ngang trong 2 quý cuối năm và chỉ số giá đô la Mỹ bình quân năm 2017 tăng 1,40% so với năm 2016.

Quý I năm 2018, tiếp tục có tỷ giá ổn định khi nguồn cung ngoại tệ dồi dào đặc biệt từ các dòng vốn đầu tư trực tiếp và gián tiếp bởi có rất nhiều cơ hội đầu tư từ thoái vốn, cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước... Tuy nhiên, sang đến cuối quý II/2018, tỷ giá hối đoái có biểu hiện gia tăng đáng kể và diễn biến phức tạp.

Kể từ đầu Quý II/2018, thị trường tài chính quốc tế chứng kiến những diễn biến phức



tại: xung đột thương mại Hoa Kỳ - Trung Quốc liên tục leo thang; và các nền kinh tế phát triển tiếp tục theo đuổi chính sách tiền tệ thắt chặt của mình (điển hình là Hoa Kỳ). Những động thái này đã có ảnh hưởng tiêu cực đến tỷ giá hối đoái tại các thị trường mới nổi. Tính từ đầu năm 2018 đến nay, chỉ số MSCI Emerging Currency Index đã giảm 5,19% trong đó, một số đồng tiền trong khu vực châu Á đã giảm giá khá mạnh so với USD: Rupee Ấn Độ (-13,87%); Rupia Indonesia (-9,89%); Peso Philippines (-8,78%) và CNY Trung Quốc (-5,57%).

Tại Việt Nam, NHNN chỉ tăng nhẹ tỉ giá VND/USD trong nửa cuối 2018 nhằm cân đối hai mục tiêu là ổn định vĩ mô và hỗ trợ xuất khẩu. Chỉ số giá đô la Mỹ bình quân năm 2018 tăng 1,29% so với năm 2017.

Tỷ giá hối đoái ổn định trong 2 tháng đầu năm 2019, với tỷ giá trung tâm tăng 0.39% so với thời điểm cuối năm 2018, những ngày qua, xung đột thương mại giữa Mỹ và Trung Quốc đã giúp USD liên tục tăng, trong khi nhân dân tệ (CNY) mất giá khoảng 2%, từ đó gây sức ép lên tỷ giá đồng Việt Nam. Trong bối cảnh đó, NHNN vẫn kiên định với chính sách duy trì sự ổn định của tỷ giá trong năm nay với mức tăng khoảng 1 - 2% để tiếp tục hỗ trợ các doanh nghiệp.

Do vậy, để hạn chế những ảnh hưởng do sự biến động tỷ giá đến tình hình kinh doanh, Công ty sẽ bám sát biến động tỷ giá khi ký kết, tham gia vào các hợp đồng có sử dụng ngoại tệ trong thời gian tới.

#### 1.4. Lãi suất

Hầu hết các doanh nghiệp đều sử dụng vốn vay từ ngân hàng để bổ sung cho hoạt động kinh doanh của mình. Lãi suất cho vay có ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp. Nếu lãi suất cho vay của các ngân hàng thương mại tăng, chi phí tài chính của doanh nghiệp sẽ tăng khiến lợi nhuận giảm và kéo theo đó là khả năng cạnh tranh sẽ giảm. Khi đó, các doanh nghiệp sẽ có xu hướng thu hẹp quy mô hoạt động. Ngược lại, nếu lãi suất cho vay của các ngân hàng thương mại giảm, chi phí tài chính của doanh nghiệp sẽ giảm, lợi nhuận tăng và điều này cũng là một trong những động lực để các doanh nghiệp ra quyết định đầu tư mở rộng, phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh, kích thích tăng trưởng kinh tế vĩ mô. Năm 2017, lãi suất có xu hướng tăng nhẹ nhưng về cơ bản vẫn được duy trì ở mức thấp, có tác động tích cực và tạo điều kiện cho các doanh nghiệp, đặc biệt những doanh nghiệp sản xuất cần nguồn vốn lớn. Lãi suất huy động bằng đồng Việt Nam phổ biến ở mức 0,8%-1%/năm đối với tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới 1 tháng (không tăng so với năm 2016); với tiền gửi kỳ hạn trên 12 tháng ở mức 6,5%-7,3%/năm (tăng 0,1% so với mức 6,4%-7,2%/năm của năm 2016).

Trong khi đó, mặt bằng lãi suất cho vay phổ biến của các lĩnh vực ưu tiên ở mức 6%-6,5%/năm đối với ngắn hạn, 9%-10%/năm đối với trung và dài hạn. Lãi suất cho vay các lĩnh vực sản xuất kinh doanh thông thường ở mức 6,8%-9%/năm đối với ngắn hạn; 9,3%-11%/năm đối với trung và dài hạn. Trong năm 2018, tín dụng bất động sản có xu hướng bị siết lại, các ngân hàng kiểm soát chặt chẽ hơn khi giải ngân cho lĩnh vực bất động sản, vốn là các khoản vay có thời gian rất dài; lãi suất cho vay tăng lên đồng thời ngân hàng đưa ra các điều kiện cho vay khắt khe hơn trước. Lãi suất cho vay đồng Việt Nam phổ biến khoảng 6%-9%/năm đối với ngắn hạn và 9%-11%/năm đối với trung và dài hạn. Tính đến thời điểm 18/6/2019 Ngân hàng Nhà nước đã điều hành lãi suất phù hợp với diễn biến kinh tế vĩ mô và thị trường tiền tệ; các tổ chức tín dụng áp dụng lãi suất cho vay hợp lý trên cơ sở lãi suất huy động và mức độ rủi ro của khoản vay, đảm bảo an toàn tài chính. Mặt bằng lãi suất huy động và cho vay về cơ bản ổn định, lãi suất cho vay ngắn hạn phổ biến ở mức 6-9%/năm; 9-11% đối với trung và dài hạn. Đối với khách hàng có tình hình tài chính lành mạnh, mức tín nhiệm cao, lãi suất cho vay ngắn hạn ở mức 4-5%/năm

Ngoài ra, việc phải giảm tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn cho vay dài hạn đã dẫn đến cuộc đua tăng lãi suất của các ngân hàng vào nửa cuối năm nhằm bổ sung nguồn vốn dài hạn. Cùng với đó, các ngân hàng cũng tìm đến phương án khác là huy động vốn từ phát hành trái phiếu để bổ sung nguồn vốn nhanh chóng.

Để tài trợ cho hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty có sử dụng nguồn vốn vay từ ngân hàng. Vì vậy bất kỳ sự thay đổi nào của Ngân hàng Nhà nước và các ngân hàng thương mại về chính sách tiền tệ, lãi suất cũng sẽ ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Yếu tố lãi suất ảnh hưởng rất lớn đến kế hoạch kinh doanh cũng như tác động mạnh đến doanh thu và chi phí hoạt động tài chính. Việc trần lãi suất liên tục được điều chỉnh giảm được xem như một tiền đề thuận lợi cho hoạt động sản xuất và kinh doanh của Công ty. Bên cạnh đó, Ban lãnh đạo Công ty vẫn luôn chú trọng quản trị rủi ro lãi suất và chủ động hạn chế rủi ro này ở mức thấp nhất.

## **2. Rủi ro về luật pháp**

Việt Nam đang trong giai đoạn phát triển nên hệ thống pháp lý cũng đang dần hoàn thiện, chính sách thay đổi linh hoạt để phù hợp với từng giai đoạn phát triển của nền kinh tế, Vì vậy các văn bản pháp quy không tránh khỏi những bất cập và chồng chéo nhau, gây lên không ít khó khăn cho cả cơ quan hữu quan lẫn những cá nhân, tổ chức thực hiện.

Hoạt động của Công ty hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các quy định khác liên quan đến ngành nghề hoạt động sản xuất kinh doanh điện năng đặc



thù của Công ty. Đặc biệt là trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh điện năng có rất nhiều quy định, quy trình an toàn nghiêm ngặt, do vậy những thay đổi về môi trường pháp luật sẽ tác động đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

Để hạn chế rủi ro này, bộ phận pháp chế của Công ty luôn chú trọng nghiên cứu, cập nhật các văn bản pháp luật, chính sách mới, sau đó phổ biến và đào tạo cho đội ngũ cán bộ quản lý và nhân viên để từ đó xây dựng kế hoạch, quy trình triển khai dịch vụ tuân thủ theo các quy định pháp luật hiện hành.

### 3. Rủi ro đặc thù

#### 3.1 Rủi ro về thời tiết

Điều kiện thiên nhiên là nhân tố rủi ro lớn nhất ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Sản lượng và hiệu quả của các nhà máy thủy điện của Công ty sẽ phụ thuộc chính vào nguồn năng lượng nước.

Trong trường hợp hạn hán kéo dài, lượng mưa giảm cả trong mùa mưa, làm lượng nước tích trong hồ chứa thấp hơn so với năng lực thiết kế, ảnh hưởng lớn tới sản lượng điện sản xuất của nhà máy. Ngoài ra các thiên tai khác như lũ quét và mưa lớn có thể gây thiệt hại về đường sá và các công trình đê đập của nhà máy, gây ra sự cố trong việc phát điện và tăng chi phí sửa chữa.

Theo thống kê, nguồn điện Việt Nam phụ thuộc lớn vào các loại hình năng lượng truyền thống (nhiệt điện than, điện khí, thủy điện) chiếm tới 90% cơ cấu nguồn điện cả nước. Tính đến cuối năm 2016, thủy điện, nhiệt điện than, nhiệt điện khí vẫn đang là 3 nguồn cung lớn nhất cả nước với tỷ trọng lần lượt là 38%, 34% và 18%. Do phụ thuộc khá nhiều vào thủy điện, nguồn cung điện cả nước có tính mùa vụ, tác động lớn đến sản lượng điện cả nước.

Năm 2017, điều kiện thủy văn thuận lợi tạo điều kiện tốt cho kết quả kinh doanh của các công ty thủy điện sau khi bị ảnh hưởng bởi El Nino năm 2015 – 2016. Trong năm 2018, do ảnh hưởng của La Nina gây mưa nhiều, các hồ thủy điện (đặc biệt ở miền Bắc) đều phải xả lũ, tổng sản lượng thủy điện ngành ở mức khá cao. Giá bán điện bình quân đã có chiều hướng tăng trở lại sau khi La Nina kết thúc.

Với việc hiện tượng El Nino dự kiến sẽ quay trở lại trong năm 2019 với xác suất cao, do đó nhóm các doanh nghiệp nhiệt điện sẽ có kết quả kinh doanh cải thiện trong năm 2019 nhờ (1) sản lượng huy động được cải thiện; (2) giá bán điện được dự báo sẽ tiếp tục tăng; (3) Vay nợ tiếp tục giảm. Nhằm bắt được tình hình này, Công ty đang nỗ lực tăng cường hoạt động sản xuất kinh doanh thông qua việc thúc đẩy các hoạt động đầu tư, các dự án truyền tải và trạm biến áp.

### 3.2 Rủi ro về nguồn năng lượng thay thế

Hiện nay lượng cung cấp điện chưa đáp ứng được nhu cầu tiêu dùng. Các nhà máy sản xuất điện vẫn chủ yếu áp dụng công nghệ nhiệt điện và thủy điện, gây ảnh hưởng lớn đến môi trường. Do đó yêu cầu về các nguồn năng lượng thay thế như phong điện hoặc điện mặt trời đang ngày càng bức thiết. Tuy nhiên do giá thành sản xuất còn cao nên các nguồn năng lượng mới này chưa đe dọa nhiều đến sự tồn tại với các nhà máy sản xuất thủy điện.

### 3.3 Rủi ro về việc độc quyền phân phối điện

Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) có vị thế độc quyền hoàn toàn trong ngành điện với chức năng sản xuất, truyền tải và phân phối điện trên cả nước. Giá bán điện hiện nay do Công ty tự đàm phán và dựa trên giá thực tế của thị trường (là giá bán dưới sự điều tiết của EVN và Bộ Công thương). Trong trường hợp giá cả trên thị trường không tốt sẽ ảnh hưởng lớn đến doanh thu của Công ty. Quyết định thay đổi khung giá từ EVN cũng sẽ tác động đến hoạt động sản xuất và doanh thu của Công ty.

Kể từ năm 2019 thị trường điện Việt Nam sẽ chuẩn bị để chuyển sang giai đoạn thị trường bán buôn điện cạnh tranh. Hiện tại, thị trường điện đang nằm trong giai đoạn 1 – thị trường phát điện cạnh tranh. Thị trường bán buôn điện cạnh tranh sẽ có một số đổi mới như sau:

Đặc điểm	Thị trường phát điện cạnh tranh	Thị trường bán buôn điện cạnh tranh
Đơn vị mua bán điện	Đơn vị duy nhất mua điện từ các nhà máy là Công ty mua bán điện	Các Tổng công ty Điện lực sẽ mua điện từ các nhà máy thay thế cho Công ty mua bán điện
Cơ chế mua bán điện hợp đồng	Ký kết hợp đồng mua bán điện với duy nhất Công ty mua bán điện	Các nhà máy có thể ký kết hợp đồng với các Tổng công ty Điện lực

Nhờ vào cơ chế mua bán điện mới, các doanh nghiệp sản xuất điện nói chung và Công ty cổ phần Điện Bắc Hà nói riêng sẽ có nhiều sự lựa chọn trong việc điều chỉnh giá điện theo cơ chế thị trường thông qua việc chủ động trong hoạt động sản xuất kinh doanh, chủ động đàm phán và ký kết hợp đồng mua bán điện với các đơn vị ngoài EVN.

## 4. Rủi ro khác



Các rủi ro khác nằm ngoài khả năng dự đoán và vượt quá khả năng phòng chống của con người như thiên tai, hỏa hoạn, dịch họa, v.v... là những rủi ro bất khả kháng nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại cho tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty. Đây là những rủi ro không thể loại trừ nhưng có thể giảm thiểu. Vì vậy Công ty thường xuyên nắm bắt kịp thời thông tin về những diễn biến tình hình thời tiết, lên kế hoạch điều hành công việc một cách tối ưu, thường xuyên tham gia mua bảo hiểm cho các tài sản, hàng hóa của Công ty và của khách hàng.

## II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

### 1. Tổ chức niêm yết

#### CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN BẮC NÀ

**Ông Đặng Quang Đạt** - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị

**Ông Lê Văn Khánh** - Chức vụ: Tổng Giám đốc

**Ông Nguyễn Đình Nghĩa** - Chức vụ: Kế toán trưởng

**Ông Vũ Sơn Thủy** - Chức vụ: Trưởng Ban kiểm soát

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

### 2. Tổ chức tư vấn

#### CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN – HÀ NỘI (SHS)

**Bà Trần Thị Thu Thanh** - Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc

(Theo giấy ủy quyền số 28/2019/UQ-TGD ngày 25/10/2019 của Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội)

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký niêm yết do Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng tư vấn với Công ty cổ phần Điện Bắc Nà. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty cổ phần Điện Bắc Nà cung cấp.

### III. CÁC KHÁI NIỆM

Trong bản cáo bạch này, những từ ngữ và các từ viết tắt dưới đây có nghĩa diễn giải như sau:

#### 1. Từ ngữ:

“**Công ty**”/“**Bắc Hà**”: Công ty cổ phần Điện Bắc Hà.

“**Bản cáo bạch**”: Bản công bố thông tin của Công ty về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh nhằm cung cấp thông tin cho nhà đầu tư đánh giá và đưa ra các quyết định đầu tư chứng khoán.

“**Điều lệ**”: Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Điện Bắc Hà đã được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua.

“**Vốn điều lệ**”: Số vốn do tất cả các cổ đông góp và được ghi vào Điều lệ của Công ty cổ phần Điện Bắc Hà.

“**Cổ phần**”: Vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau.

“**Cổ phiếu**”: Chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần cổ phần của Công ty cổ phần Điện Bắc Hà.

“**Cổ đông**”: Tổ chức hay cá nhân sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty cổ phần Điện Bắc Hà.

“**Cổ tức**”: Khoản lợi nhuận ròng được trả cho các cổ phần bằng tiền mặt hoặc tài sản khác từ nguồn lợi nhuận còn lại của Công ty cổ phần Điện Bắc Hà sau khi đã thực hiện các nghĩa vụ tài chính.

“**Đại hội đồng cổ đông**”: Đại hội đồng cổ đông của Công ty cổ phần Điện Bắc Hà.

“**Hội đồng quản trị**”: Hội đồng quản trị của Công ty cổ phần Điện Bắc Hà.

“**Ban kiểm soát**”: Ban kiểm soát của Công ty cổ phần Điện Bắc Hà.

“**Ban Tổng giám đốc**”: Ban Tổng giám đốc của Công ty cổ phần Điện Bắc Hà.

“**Tổ chức tư vấn**”: Công ty Cổ phần chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội.

“**Tổ chức niêm yết**”: Công ty cổ phần Điện Bắc Hà.

“**Người có liên quan**”: là tổ chức, cá nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với doanh nghiệp được quy định trong Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày



26/11/2014, Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 19/01/2007 của Quốc Hội và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Những thuật ngữ khác (nếu có) mà không được liệt kê ở trên sẽ được hiểu theo quy định trong Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014, Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 19/01/2007 của Quốc Hội và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

2. Các chữ viết tắt:

• ĐHĐCĐ	Đại hội đồng cổ đông
• HĐQT	Hội đồng quản trị
• BKS	Ban kiểm soát
• UBCKNN	Ủy ban chứng khoán Nhà nước
• NHNN	Ngân hàng Nhà nước
• HNX	Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội
• ĐKKD	Đăng ký kinh doanh
• BCTC	Báo cáo tài chính
• LNTT	Lợi nhuận trước thuế
• Thuế GTGT	Thuế giá trị gia tăng
• Thuế TNDN	Thuế thu nhập doanh nghiệp
• UBND	Ủy ban nhân dân
• CTCP	Công ty cổ phần
• DTT	Doanh thu thuần
• TDT	Tổng doanh thu
• LNG	Lợi nhuận gộp
• TLN	Tổng lợi nhuận
• TSCĐ	Tài sản cố định
• TSLĐ	Tài sản lưu động
• VCSH	Vốn chủ sở hữu
• Giấy CNĐKDN	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
• Số CMND	Số chứng minh nhân dân
• TC	Tổng cộng

#### IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT

##### 1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

##### 1.1. Giới thiệu chung về Tổ chức niêm yết

- Tên doanh nghiệp: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN BẮC NÀ
- Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN BẮC NÀ
- Tên viết tắt: BAC NA.,JSC
- Trụ sở chính: Thôn Nậm Thàng, Xã Bản Liền, Huyện Bắc Hà, Tỉnh Lào Cai.
- Điện thoại: 0203780702
- Fax: 0203780702
- Website: www.eba.asia;
- Vốn điều lệ đăng ký: 155.000.000.000 đồng
- Vốn điều lệ thực góp: 155.000.000.000 đồng
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102141313 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lào Cai cấp, đăng ký lần đầu ngày 15/01/2007, thay đổi lần thứ 11 ngày 28/11/2018
- Người đại diện theo pháp luật:  
Ông Đặng Quang Đạt – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị
- Thời điểm trở thành công ty đại chúng: Ngày 13/08/2019 theo Công văn số 4904/UBCK-GSĐC của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
- Ngành nghề sản xuất kinh doanh chính: Sản xuất, truyền tải và phân phối điện (Chi tiết: Sản xuất và kinh doanh điện năng).

##### 1.2. Quá trình hình thành và phát triển

---

Năm 2007	Công ty Cổ phần Thủy điện Bắc Nà được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận ĐKKD số 0103015480 do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 15/01/2007 với vốn điều lệ đăng ký là 45 tỷ đồng. Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh điện năng. Đến năm 2008, các cổ đông sáng lập đã góp đủ 45 tỷ đồng vốn điều lệ đăng ký.
Năm 2009	Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103015480 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp đăng ký thay đổi lần 2 ngày 08/05/2009 với vốn điều lệ đăng ký là 110 tỷ đồng. Công ty được cấp phép đầu tư Dự án Thủy điện Bắc Nà theo Giấy chứng nhận đầu tư số 12121000144 do UBND tỉnh Lào Cai

---



---

cấp ngày 18/06/2009.

---

Năm 2011	Công ty đổi tên thành Công ty cổ phần Thương mại và Đầu tư toàn cầu DATC theo Giấy chứng nhận ĐKKD số 0102141313 (mã số cấp lại) do Sở Kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp thay đổi lần 3 ngày 20/05/2011.
Năm 2015	Công ty hoàn thành phát hành tăng vốn điều lệ lên 110 tỷ đồng.  Công ty thay đổi địa điểm trụ sở chính lên tỉnh Lào Cai theo Giấy chứng nhận ĐKKD số 0102141313 do Sở Kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp thay đổi lần 8 ngày 16/09/2015.
Năm 2016	Công ty phát hành tăng vốn điều lệ lên 135 tỷ đồng. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lào Cai cấp Giấy ĐKKD số 0102141313 thay đổi lần 9 ngày 08/07/2016.
Năm 2017	Công ty đổi tên thành Công ty cổ phần Điện Bắc Hà theo Giấy chứng nhận ĐKKD số 0102141313 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Lào Cai cấp thay đổi lần thứ 10 ngày 18/04/2017.
Năm 2018	Công ty phát hành tăng vốn điều lệ lên 155 tỷ đồng. Công ty được cấp phép đầu tư dự án thủy điện thứ 2 là Dự án Thủy điện Bắc Hà 1 theo Quyết định chủ trương đầu tư số 1326/QĐ-UBND ngày 07/05/2018 do Ủy ban Nhân dân tỉnh Lào Cai cấp.
Năm 2019	Trong năm 2019, trên cơ sở nhu cầu chuyển nhượng cổ phần của các cổ đông, Công ty đã chính thức có trên 100 cổ đông và đủ điều kiện trở thành công ty đại chúng theo quy định của Luật chứng khoán. Theo đó, Công ty đã nộp hồ sơ đăng ký và được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Công văn chấp thuận đại chúng số 4904/UBCK-GSĐC ngày 13/08/2019.  Đến ngày 11/09/2019, Công ty đã hoàn tất thủ tục đăng ký chứng khoán tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD) với mã chứng khoán là EBA và được VSD cấp Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán lần đầu số 41/2019/GCNCP-VSD, số lượng chứng khoán đăng ký là 15.500.000 cổ phiếu.

---

1.3. Quá trình tăng vốn điều lệ

Năm đăng ký thay đổi VDL	Vốn điều lệ đăng ký		Hình thức phát hành	Thời gian góp đủ VDL đăng ký	Cơ sở pháp lý
	Tăng thêm (đồng)	Sau khi tăng (đồng)			
2007	Vốn điều lệ tại thời điểm thành lập là 45.000.000.000 đồng			Từ 13/02/2007 đến 12/03/2008	Giấy ĐKKD số 0103015480 do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 15/01/2007
2009	65.000.000.000	110.000.000.000	Phát hành riêng lẻ cho cổ đông hiện hữu	Từ 03/02/2014 đến 29/12/2015	- Giấy ĐKKD số 0103015480 do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp thay đổi lần 2 ngày 08/05/2009. - Nghị quyết ĐHĐCĐ số 130/QĐ-ĐHĐCĐ ngày 09/07/2015 - Nghị quyết ĐHĐCĐ số 14/BACNA.JSC ngày 21/4/2009
2016	25.000.000.000	135.000.000.000	Phát hành riêng lẻ cho cổ đông hiện hữu	Từ 24/03/2016 đến 15/04/2016	- Giấy ĐKKD số 0102141313 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lào Cai cấp thay đổi lần 9 ngày 08/07/2016. - Nghị quyết Đại hội cổ đông bất thường số 156/NQ-ĐHĐCĐ ngày 30/11/2015 - Nghị quyết ĐHĐCĐ số 186/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15/04/2016
2018	16.000.000.000 4.000.000.000	155.000.000.000	Phát hành riêng lẻ cho cổ đông hiện hữu Phát hành riêng lẻ cho cán bộ công nhân viên	Từ 12/03/2018 đến 14/11/2018	- Giấy ĐKKD số 0102141313 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lào Cai cấp thay đổi lần 11 ngày 28/11/2018 - Nghị quyết ĐHĐCĐ số 824/NQ-ĐHĐCĐ-BN ngày 07/01/2018 - Nghị quyết HĐQT số 226/NQ-ĐHĐCĐ ngày 08/01/2018

Nguồn: Công ty cổ phần Điện Bắc Nà

**Chi tiết các đợt phát hành tăng vốn của Công ty như sau:**

➤ **Vốn thực góp khi thành lập: 45.000.000.000 đồng**

- Cơ sở pháp lý: Giấy ĐKKD số 0103015480 do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 15/01/2007
- Vốn điều lệ đăng ký: 45.000.000.000 đồng
- Số lượng cổ đông tham gia góp vốn: 03 cổ đông
- Ngày hoàn thành góp vốn: 12/03/2008
- Vốn điều lệ thực góp: 45.000.000.000 đồng
- Mục đích sử dụng vốn: Đầu tư Nhà máy Thủy điện Bắc Nà

➤ **Tăng vốn từ 45.000.000.000 đồng lên 110.000.000.000 đồng**

**Cơ sở pháp lý của đợt tăng vốn:**

- Giấy ĐKKD số 0103015480 do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp thay đổi lần 2 ngày 08/05/2009
- Nghị quyết ĐHĐCĐ số 14/BACNA.JSC ngày 21/4/2009
- Nghị quyết ĐHĐCĐ số 130/QĐ-ĐHĐCĐ ngày 09/07/2015

**Thông tin về đợt phát hành:**

- Vốn điều lệ thực góp trước khi phát hành : 45.000.000.000 đồng
- Vốn góp tăng thêm : 65.000.000.000 đồng
- Vốn điều lệ thực góp sau khi phát hành : 110.000.000.000 đồng
- Hình thức phát hành : Phát hành riêng lẻ
- Cơ quan chấp thuận đợt phát hành cổ phiếu để tăng vốn : Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội
- Thời gian hạn chế chuyển nhượng : Không hạn chế chuyển nhượng
- Đối tượng phát hành : Cổ đông hiện hữu của công ty
- Số lượng cổ đông tham gia góp vốn : 05 cổ đông
- Giá phát hành : 10.000 đồng/cổ phần
- Ngày hoàn thành đợt chào bán : 29/12/2015



- Số lượng phát hành : 6.500.000 cổ phần
- Mục đích sử dụng vốn : Đầu tư Nhà máy Thủy điện Bắc Nà
- **Tăng vốn từ 110.000.000.000 đồng lên 135.000.000.000 đồng**

***Cơ sở pháp lý của đợt tăng vốn:***

- Giấy ĐKKD số 0102141313 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lào Cai cấp thay đổi lần 9 ngày 08/07/2016
- Nghị quyết Đại hội cổ đông bất thường số 156/NQ-ĐHĐCĐ ngày 30/11/2015
- Nghị quyết ĐHĐCĐ số 186/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15/04/2016

***Thông tin về đợt tăng vốn:***

- Vốn điều lệ thực góp trước khi phát hành : 110.000.000.000 đồng
- Vốn góp tăng thêm : 25.000.000.000 đồng
- Vốn điều lệ thực góp sau khi phát hành : 135.000.000.000 đồng
- Hình thức tăng vốn : Phát hành riêng lẻ
- Cơ quan chấp thuận đợt phát hành cổ : Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lào Cai  
phiếu để tăng vốn
- Thời gian hạn chế chuyển nhượng : Không hạn chế chuyển nhượng
- Đối tượng phát hành : Cổ đông hiện hữu của công ty
- Số lượng cổ đông tham gia góp vốn : 04 cổ đông
- Giá phát hành : 10.000 đồng/cổ phần
- Ngày hoàn thành đợt chào bán : 15/04/2016
- Số lượng phát hành : 2.500.000 cổ phần
- Mục đích sử dụng vốn : Đầu tư Nhà máy Thủy điện Bắc Nà

- **Tăng vốn từ 135.000.000.000 đồng lên 155.000.000.000 đồng**

***Cơ sở pháp lý của đợt tăng vốn:***

- Giấy ĐKKD số 0102141313 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lào Cai cấp thay đổi lần 11 ngày 28/11/2018
- Nghị quyết ĐHĐCĐ số 824/NQ-ĐHĐCĐ-BN ngày 07/01/2018
- Nghị quyết HĐQT số 226/NQ-ĐHĐCĐ ngày 08/01/2018

***Thông tin chi tiết đợt tăng vốn:***

- Vốn điều lệ thực góp trước khi phát hành : 135.000.000.000 đồng

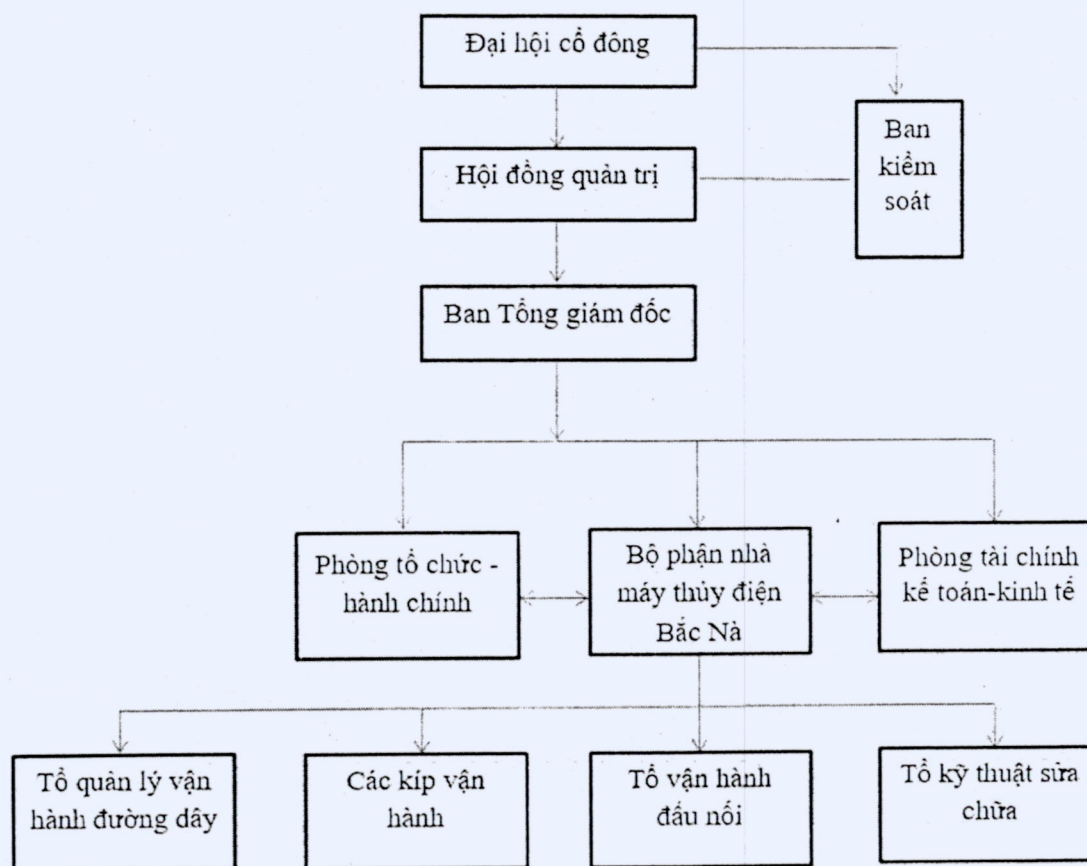
- Vốn góp tăng thêm : 20.000.000.000 đồng
- Vốn điều lệ thực góp sau khi phát hành : 155.000.000.000 đồng
- Hình thức tăng vốn : Phát hành riêng lẻ
- Cơ quan chấp thuận đợt phát hành cổ phiếu để tăng vốn : Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lào Cai
- Thời gian hạn chế chuyển nhượng : Không hạn chế chuyển nhượng
- Đối tượng phát hành : Cổ đông hiện hữu và Cán bộ công nhân viên, trong đó:
  - Cổ đông hiện hữu: 16.000.000.000 đồng
  - CBCNV: 4.000.000.000 đồng
- Số lượng cổ đông tham gia góp vốn : 28 cổ đông, trong đó:
  - Cổ đông hiện hữu: 05 người
  - CBCNV: 23 người
- Giá phát hành : 10.000 đồng/cổ phần
- Ngày hoàn thành việc tăng vốn : 14/11/2018
- Số lượng phát hành : 2.000.000 cổ phần
- Mục đích sử dụng vốn : Đầu tư Dự án Thủy điện Bắc Nà 1

## 2. Cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý của Công ty

Công ty cổ phần Điện Bắc Nà được tổ chức và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua vào ngày 26/11/2014 và Điều lệ Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Hiện nay, cơ cấu tổ chức của Công ty bao gồm:

- Trụ sở Công ty: Thôn Nậm Thàng, Xã Bản Liễn, Huyện Bắc Hà, Tỉnh Lào Cai
- Nhà máy thủy điện Bắc Nà: Thôn Nậm Thàng, Xã Bản Liễn, Huyện Bắc Hà, Tỉnh Lào Cai



Nguồn: Công ty cổ phần Điện Bắc Nà

Công ty cổ phần Điện Bắc Nà được tổ chức và hoạt động theo Luật doanh nghiệp của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014. Các hoạt động của Công ty tuân thủ Luật doanh nghiệp, các Luật khác có liên quan và Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty.

Cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty cổ phần Điện Bắc Nà gồm:

### 2.1. Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ chính sau: Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm và định hướng phát triển của Công ty; thông qua Báo cáo tài chính năm được kiểm toán, các báo cáo của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát; Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty và các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật chứng khoán và Điều lệ Công ty.

### 2.2. Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của



Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị có 03 thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, tùy theo yêu cầu từng thời điểm số lượng thành viên Hội đồng quản trị có thể thay đổi và do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị không điều hành cụ thể do Hội đồng quản trị xác định và phân công theo tình hình và yêu cầu từng thời điểm.

### **2.3. Ban kiểm soát**

Ban kiểm soát có 03 thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Ban kiểm soát có nhiệm vụ giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty; kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính; thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty.

### **2.4. Ban Tổng giám đốc**

Tổng giám đốc là người đại diện theo pháp luật thường trực của Công ty, là người tổ chức điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty theo các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, quyết định, thực hiện tất cả những công việc không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị để hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.

Hiện Công ty cổ phần Điện Bắc Hà không có Phó Tổng giám đốc.

### **2.5. Kế toán trưởng**

Kế toán trưởng có nhiệm vụ tổ chức thực hiện công tác kế toán của Công ty; giúp việc cho Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc về công tác Kế toán, hoạch định chiến lược và giám sát tài chính tại công ty theo pháp luật về tài chính, kế toán; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công hoặc ủy quyền.

### **2.6. Các phòng chức năng**

Khối Phòng ban nghiệp vụ là bộ phận chịu trách nhiệm thực hiện các công việc của một lĩnh vực nghiệp vụ trong toàn hệ thống Công ty. Lĩnh vực nghiệp vụ được hiểu là những tiêu chuẩn tổng hợp từ quy định của pháp luật hoặc yêu cầu của Công ty.

Từng khối Phòng ban nghiệp vụ chịu trách nhiệm trực tiếp thực hiện các nghiệp vụ trong lĩnh vực nghiệp vụ thuộc khối đó. Đứng đầu phòng ban là trưởng phòng do Giám đốc trực tiếp điều hành.

Công ty gồm các khối Phòng ban nghiệp vụ sau:

➤ **Phòng Tổ chức hành chính**

Phòng Tổ chức hành chính có các nhiệm vụ sau:

- Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện công tác tổ chức bộ máy, nhân sự của Công ty;
- Thực hiện công tác quy hoạch, bổ nhiệm, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển cán bộ;
- Tổ chức tuyển dụng nhân sự; Quản lý, lưu trữ hồ sơ của CBCNV;
- Cập nhật các văn bản của hệ thống quản lý chất lượng;
- Lên kế hoạch và hướng dẫn thực hiện chế độ chính sách, lương, thưởng;
- Xây dựng, kiểm tra và theo dõi việc thực hiện kế hoạch đào tạo nguồn nhân lực phù hợp với chiến lược phát triển của Công ty.

➤ **Phòng Tài chính - Kế toán – Kinh tế**

- Chỉ đạo và thực hiện toàn bộ công tác tài chính - tín dụng - kế toán, thông tin kinh tế, tổ chức hạch toán kinh tế trong toàn Công ty.
- Huy động các nguồn vốn nhằm đáp ứng nhu cầu về vốn, vật tư, tài sản cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, đồng thời xây dựng và duy trì các nguồn vốn nói trên.
- Hoạch định chiến lược tài chính, tín dụng đầu tư của Công ty trong kế hoạch ngắn hạn, dài hạn 5 - 10 năm của Công ty.
- Quản lý, bảo toàn và phát triển tiền vốn, tài sản của các cổ đông theo đúng những quy định chung của pháp luật và Điều lệ Công ty về quản lý tài chính.
- Tổ chức công tác lên sàn giao dịch Chứng khoán và Bản cáo bạch theo luật định.
- Chịu trách nhiệm trước Giám đốc, HĐQT, Đại hội đồng cổ đông Công ty và pháp luật về các thông tin tài chính kế toán, các báo cáo tài chính của toàn Công ty.

➤ **Bộ phận Nhà máy thủy điện Bắc Nà**

Nhà máy có chức năng thay mặt Công ty để thực hiện việc quản lý, điều hành mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Nhà máy, bao gồm nhưng không giới hạn ở các công việc sau:

- Thay mặt Công ty trong quan hệ với các cấp có thẩm quyền và các bên có liên

quan để đảm bảo quyền lợi và thực hiện các nghĩa vụ của Công ty trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của Nhà máy được quy định tại Quy chế này;

- Quản lý, khai thác tối đa hiệu quả công suất của Nhà máy, đảm bảo kế hoạch phát điện của các tổ máy và quản lý chi phí trong quá trình sản xuất kinh doanh có hiệu quả, đảm bảo an toàn và vệ sinh môi trường của Nhà máy và các quy định hiện hành;
- Tổ chức tiếp nhận bàn giao từng hạng mục và toàn bộ Nhà máy của các bên liên quan để đưa vào khai thác sử dụng;
- Tổ chức bảo hành Nhà máy.
- Tổ QLVH đường dây: Quản lý vận hành hệ thống đường điện của Công ty; đảm bảo hành lang an toàn cho toàn bộ hệ thống lưới điện;
- Công nhân vận hành: Vận hành các tổ máy phát điện an toàn và hiệu quả; thực hiện báo cáo thường xuyên về công tác vận hành, sự cố với lãnh đạo được biết và kịp thời xử lý;
- Tổ Kỹ thuật: Đảm bảo công tác sửa chữa các thiết bị của Công ty, thực hiện báo cáo các sự cố lớn ngoài khả năng tự thực hiện để trình cấp thẩm quyền phê duyệt thuê đơn vị sửa chữa;
- Tổ vận hành đầu mối: Vận hành hệ thống an toàn Đập tại Khu đầu mối, thực hiện báo cáo thường xuyên với lãnh đạo về tình hình lưu lượng nước tại hồ nước lạnh

### 3. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông

#### 3.1. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty

Tại thời điểm 26/09/2019, danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty như sau:

	Cổ đông	Số ĐKKD/ CMND	Địa chỉ	Số cổ phần (cp)	Tỷ lệ (%)
1	Công ty Cổ phần Sông Đà 505	5900320629 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp ngày	Xã Iao, Huyện Iagrai, Tỉnh Gia Lai	7.932.936	51,18%

	Cổ đông	Số ĐKKD/ CMND	Địa chỉ	Số cổ phần (cp)	Tỷ lệ (%)
		09/08/2004			
2	Công ty cổ phần Quản lý và Khai thác tài sản Thiên Nam	0105715774 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 13/12/2011	Ngõ 102, đường Trường Chinh, Phương Mai, quận Đống Đa, Tp.Hà Nội	4.013.038	25,89%
3	Võ Thị Loan	011113725	Số 3, Hồ Xuân Hương, P.Nguyễn Du, Q.Hai Bà Trung, Hà Nội	939.472	6,06%
	<b>Cộng</b>			<b>12.885.446</b>	<b>83,13%</b>

Nguồn: Danh sách cổ đông tại ngày 26/09/2019 do VSD cung cấp

### 3.2. Danh sách cổ đông sáng lập

Công ty được thành lập vào ngày 15/01/2007 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103015480 do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 15/01/2007 (Tên cũ: Công ty cổ phần Thủy điện Bắc Hà). Theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, tính đến thời điểm hiện nay, toàn bộ số cổ phần do các cổ đông sáng lập nắm giữ không còn bị hạn chế chuyển nhượng.

Tính đến ngày 26/09/2019, các cổ đông sáng lập của Công ty không còn sở hữu cổ phần của công ty. Danh sách cổ đông sáng lập như sau:

TT	Tên cổ đông	Số lượng cổ phần tại 26/09/2019
1	Công ty mua bán nợ và tài sản tồn đọng của doanh nghiệp	0
2	Tổng công ty xây dựng công nghiệp Việt Nam	0
3	Công ty Xây lắp điện 4	0
<b>Cộng</b>		<b>0</b>

Nguồn: Danh sách cổ đông tại ngày 26/09/2019 do VSD cung cấp

### 3.3. Cơ cấu cổ đông

TT	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần sở hữu (cổ phần)	Tỷ lệ
<b>I</b>	<b>Trong nước</b>	<b>103</b>	<b>15.500.000</b>	<b>100 %</b>



TT	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần sở hữu (cổ phần)	Tỷ lệ
1	Tổ chức	02	11.945.974	77,07%
2	Cá nhân	101	3.554.026	22,93%
<b>II</b>	<b>Nước ngoài</b>	-	-	-
1	Tổ chức	-	-	-
2	Cá nhân	-	-	-
	<b>Tổng cộng</b>	<b>103</b>	<b>15.500.000</b>	<b>100%</b>

*Nguồn: Danh sách cổ đông tại ngày 26/09/2019 do VSD cung cấp*

4. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức đăng ký niêm yết, những công ty mà tổ chức đăng ký niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức đăng ký niêm yết

**4.1. Công ty mẹ:**

Tên Công ty mẹ: Công ty Cổ phần Sông Đà 505

Địa chỉ trụ sở chính: Xã IaO, Huyện Iagrai, Tỉnh Gia Lai

Điện thoại: 024 6265 9505 - Fax: 024 6265 9506

Giấy CN ĐKKD số 5900320629 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp lần đầu ngày 09/08/2004, thay đổi lần thứ 10 ngày 24/07/2018

Ngành nghề kinh doanh chính: Xây dựng và vận hành nhà máy thủy điện vừa và nhỏ; Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp

Vốn điều lệ: 100.000.000.000 đồng

Sở hữu cổ phần tại Công ty cổ phần Điện Bắc Nà: 7.932.936 cổ phần, chiếm 51,18% vốn điều lệ.

**4.2. Công ty con:**

Không có

**4.3. Công ty do CTCP Điện Bắc Nà nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối:**

Không có

**4.4. Công ty nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối với CTCP Điện Bắc Nà:** Công ty cổ phần Sông Đà 505 (nêu trên)

**4.5. Công ty liên doanh liên kết:**

Không có

**5. Hoạt động kinh doanh**

### 5.1. Sản phẩm, dịch vụ của Công ty

Công ty cổ phần Điện Bắc Nà được thành lập nhằm mục đích đầu tư, quản lý và vận hành Nhà máy thủy điện Bắc Nà. Theo đó, hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh mua bán điện.

Căn cứ quy định pháp luật hiện nay, Nhà nước độc quyền trong lĩnh vực truyền tải và phân phối điện. Do đó, toàn bộ sản lượng điện sản xuất của nhà máy được Công ty xuất bán cho Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc theo Hợp đồng số 158/EVNNPC-B9 ngày 26/10/2015 (Hợp đồng mua bán điện nhà máy thủy điện Bắc Nà) và Hợp đồng số 231/EVNNPC-KD ngày 15/05/2019 (Hợp đồng mua bán điện nhà máy thủy điện Bắc Nà 1).

Như vậy, doanh thu hàng năm của Công ty phụ thuộc chủ yếu vào sản lượng điện xuất bán và giá bán điện do Cục điều tiết điện lực – Bộ công thương quy định.

#### ❖ Thông tin chung về Nhà máy Thủy điện Bắc Nà:

Nhà máy thủy điện Bắc Nà được đầu tư theo hình thức BOO. Nhà máy thuộc địa phận xã Bản Liên, huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai.

Một số thông số kỹ thuật của dự án:

- Cấp điện áp hòa đồng bộ lên lưới: 110 KV
- Cột nước tính toán: 279 m
- Công suất lắp máy: 2 x 8,5 MW
- Công suất đảm bảo: 3,35 MW

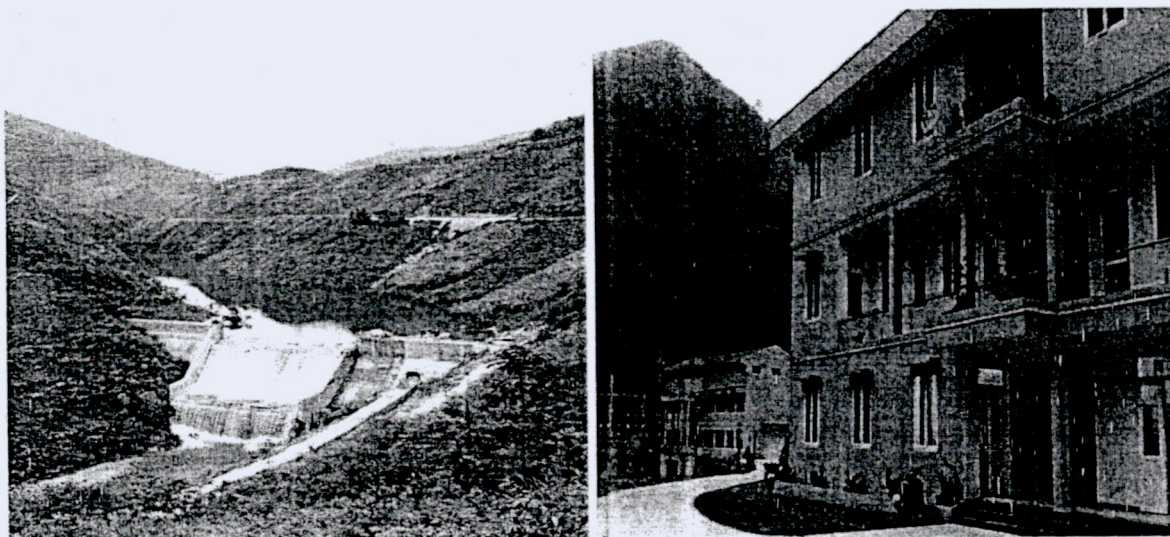
Toàn bộ thiết bị chính và hệ thống điều khiển vận hành của Nhà máy do Nhà thầu FLOVEL cung cấp theo Hợp đồng được ký kết, đạt tiêu chuẩn Châu Âu.

Một số mốc tiến độ đầu tư xây dựng dự án:

- Khởi công xây dựng công trình: 01/7/2014
- Hòa lưới điện Quốc gia tổ máy số I: Ngày 14/12/2016
- Hòa lưới điện Quốc gia tổ máy số II: Ngày 14/12/2016

Kết quả sản xuất kinh doanh của dự án:

- Công suất thiết kế trung bình: 67,21 triệu kWh/ năm
- Doanh thu trung bình: khoảng 70 tỷ đồng/ năm



Tổng chi phí đầu tư dự án:

Đơn vị tính: đồng

Khoản mục	Tổng mức đầu tư được duyệt	Chi phí đầu tư đề nghị quyết toán	
		Đề nghị quyết toán	Kiểm toán
Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng	9.500.000.000	12.418.365.283	12.418.365.283
Chi phí xây dựng	247.790.656.000	255.015.408.487	255.015.408.487
Chi phí thiết bị	115.673.977.000	121.847.245.247	121.847.245.247
Chi phí quản lý dự án	5.988.767.000	5.988.596.300	5.988.596.300
Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	23.495.368.000	19.577.968.258	19.577.968.258
Chi phí khác	20.152.936.000	24.002.435.442	24.002.435.442
Chi phí lãi vay trong thời gian xây dựng	36.840.058.000	24.307.021.159	24.307.021.159
Chi phí dự phòng	16.746.399.000	-	-
<b>Cộng</b>	<b>476.188.161.000</b>	<b>463.157.040.175</b>	<b>463.157.040.175</b>



Nguồn: Báo cáo kiểm toán độc lập Báo cáo quyết toán dự án hoàn thành

❖ **Nhà máy Thủy điện Bắc Nà 1:**

Ngoài Nhà máy Thủy điện Bắc Nà đang vận hành và khai thác ở trên, Công ty hiện đang đầu tư dự án thủy điện thứ 2 là Dự án Thủy điện Bắc Nà 1 theo Quyết định chủ trương đầu tư số 1326/QĐ-UBND ngày 07/05/2018 do Ủy ban Nhân dân tỉnh Lào Cai cấp.

Địa điểm dự án: Xã Thái Giàng Phố, huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai.

Mục tiêu dự án: Cung cấp lượng điện bình quân năm  $E_0 = 9,17$  triệu kwh/năm vào lưới điện quốc gia.

Một số thông số kỹ thuật của dự án:

- Cấp điện áp hòa đồng bộ lên lưới: 35 KV
- Cột nước tính toán: 121,57 m
- Công suất lắp máy: 2,8 MW
- Công suất đảm bảo: 0,5 MW

Khởi công xây dựng công trình: Tháng 6/2018

❖ **Sản lượng điện thương phẩm hàng năm**

Đơn vị tính: triệu kwh

	Năm 2017	Năm 2018		9 tháng đầu năm 2019
		Giá trị	Tăng/giảm so với năm 2017	
Sản lượng điện thương phẩm	63,75	55,25	-13,33%	31,96

Nguồn: Công ty cổ phần Điện Bắc Nà

**5.2. Cơ cấu doanh thu thuần và Lợi nhuận gộp các mảng hoạt động qua các năm**

❖ **Cơ cấu doanh thu thuần:**

Đơn vị tính: đồng

Khoản mục	Năm 2017	Năm 2018	9 tháng đầu năm 2019



	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Tăng/ giảm so với 2017	Giá trị	Tỷ trọng
Doanh thu bán điện	72.922.719.703	99,77%	79.554.818.139	99,87%	9,09%	41.660.565.236	90,91%
- Doanh thu bán điện theo Biểu phí tránh được (*)	72.922.719.703	99,77%	72.812.255.874	91,4%	-0,15%	41.660.565.236	90,91%
- Tiền thanh toán thuế tài nguyên và phí dịch vụ môi trường (**)	0	0%	6.742.562.265	8,47%	/	0	0%
Doanh thu khác (***)	170.000.000	0,23%	103.541.091	0,13%	-39,09%	4.164.407.096	9,09%
<b>Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>73.092.719.703</b>	<b>100%</b>	<b>79.658.359.230</b>	<b>100%</b>	<b>8,98%</b>	<b>45.824.972.332</b>	<b>100%</b>

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2018 và BCTC quý 3/2019

Ghi chú:

(\*): Biểu phí tránh được là Biểu giá do Bộ Công thương ban hành quy định giá điện của các thủy điện vừa và nhỏ. Biểu giá này chưa bao gồm thuế tài nguyên nước, thuế giá trị gia tăng, tiền dịch vụ môi trường rừng và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước mà bên mua điện (các tổng công ty điện lực) có trách nhiệm phải trả cho bên bán điện (các thủy điện)

(\*\*): Tiền thanh toán thuế tài nguyên và phí dịch vụ môi trường là khoản tiền mà bên mua điện trả cho bên bán điện (để nộp ngân sách nhà nước), tính căn cứ theo sản lượng điện mua – bán. Năm 2017, tiền thuế tài nguyên do bên mua điện (Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc) thanh toán cho Công ty được hạch toán tăng tiền mặt và tăng khoản Phải nộp NSNN, không hạch toán vào doanh thu và chi phí của Công ty. Năm 2018, Công ty ghi nhận Doanh thu khoản thuế này theo yêu cầu của đơn vị Kiểm toán, tương ứng với Giá vốn hàng bán cũng ghi nhận tăng 1 khoản tương đương. Từ năm 2019 trở đi, Tiền thanh toán thuế tài nguyên và phí dịch vụ môi trường được tách khỏi doanh thu bán điện và được hạch toán vào Doanh thu khác.

(\*\*\*) : Trong năm 2017 và năm 2018, doanh thu khác là doanh thu hoạt động cho thuê xe ô tô của Công ty. Từ năm 2019 trở đi, Doanh thu khác bao gồm doanh thu cho thuê xe ô tô và tiền thanh toán thuế tài nguyên và phí dịch vụ môi trường.

Trước tháng 12/2016, Nhà máy đang trong giai đoạn đầu tư nên Công ty chưa có doanh thu bán điện. Nhà máy hòa lưới điện quốc gia từ nửa cuối tháng 12/2016, kể từ thời điểm đó, Công ty mới bắt đầu có doanh thu bán điện.

Cuối năm 2016, đầu năm 2017 xuất hiện hiện tượng La Nina khiến lượng mưa gia tăng, các doanh nghiệp thủy điện được hưởng lợi trong đó có Công ty cổ phần Điện Bắc Nà. Năm 2017, nhà máy đã phát được 63,75 triệu kwh điện thương phẩm, tổng doanh thu năm 2017 đạt 73,09 tỷ đồng, trong đó doanh thu bán điện đạt 72,9 tỷ đồng. Sang năm 2018, với điều kiện thời tiết khí hậu không được thuận lợi so với năm trước, Nhà máy phát được 55,25 triệu kwh điện thương phẩm, giảm 13% so với cùng kỳ. Tuy nhiên, nhờ giá bán điện bình quân năm 2018 tăng 15,2% so với năm 2017 (từ mức 1.144 đồng/kwh lên mức 1.318 đồng/kwh) dẫn đến doanh thu bán điện năm 2018 đạt 72,8 tỷ đồng, không sụt giảm nhiều so với doanh thu bán điện năm 2017 (72,9 tỷ đồng). Tổng doanh thu năm 2018 đạt 79,6 tỷ đồng, trong đó doanh thu bán điện đạt 72,8 tỷ đồng và tiền thanh toán Thuế tài nguyên và dịch vụ môi trường là 6,7 tỷ đồng.

Kết quả kinh doanh 9 tháng đầu năm 2019, hoạt động phát điện của công ty gặp một số khó khăn nhất định khi lưu lượng nước trên dòng chảy suối Bắc Nà giảm thấp. Theo đó, sản lượng điện thương phẩm 9 tháng đầu năm 2019 chỉ đạt 31,96 triệu kwh, giảm 30% so với cùng kỳ năm 2018 (45,64 triệu kwh), giá trị doanh thu bán điện đạt 41,66 tỷ đồng, giảm 26,8% so với cùng kỳ năm 2018 (56,91 tỷ đồng).

❖ **Cơ cấu lợi nhuận gộp:**

Khoản mục	ĐVT	Năm 2017	Năm 2018		9 tháng đầu năm 2019
		Giá trị	Giá trị	Tăng/ giảm so với 2017	Giá trị
Lợi nhuận gộp	đồng	50.564.742.946	49.714.869.629	-1,68%	24.834.824.230
Tỷ lệ Lợi nhuận gộp trên	%	69%	62%	/	54%

doanh thu				
-----------	--	--	--	--

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2018 và BCTC quý 3/2019

Trong giai đoạn 2017-2018, biên lợi nhuận gộp của công ty luôn đạt được tỷ trọng cao trong tổng doanh thu với giá trị trên 60%. 9 tháng đầu năm 2019, biên lợi nhuận gộp chỉ đạt 54% do chi phí giá vốn hàng bán tăng cao như đề cập tại mục 5.4 dưới đây.

### 5.3. Nguyên vật liệu

Nguồn nguyên liệu chính phục vụ cho công tác sản xuất của Nhà máy thủy điện Bắc Nà là tài nguyên nước tự nhiên. Vì vậy doanh thu và lợi nhuận hoạt động của công ty không chịu tác động từ giá cả nguồn nguyên liệu đầu vào hay nguồn cung của nhà cung cấp. Tuy nhiên, do nguồn cung chủ yếu là nước nên điều kiện thời tiết, lưu lượng và sự ổn định của nguồn nước là yếu tố tiềm ẩn nhiều rủi ro có thể tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Nhà máy thủy điện Bắc Nà là thủy điện xây dựng trên dòng suối Bắc Nà tại vùng đất các xã Thái Giàng Phố, Bản Liên và Nậm Đét thuộc huyện Bắc Nà, tỉnh Lào Cai. Suối Bắc Nà là phụ lưu của sông Nậm Phàng (phụ lưu ở bờ trái Sông Chảy).

Ngoài ra, công ty còn dùng các vật tư, phụ liệu khác dùng cho vận hành máy móc thiết bị như: các vật tư thiết bị nhỏ lẻ, phụ tùng thay thế, xăng, dầu, nhớt bôi trơn... Đây là nguồn vật tư phụ liệu mua trong nước, có nguồn bán rộng rãi trên thị trường, dễ kiểm soát chất lượng và chiếm tỷ trọng nhỏ trong chi phí sản xuất.

### 5.4. Chi phí hoạt động kinh doanh

Đơn vị tính: đồng

Chi phí	Năm 2017		Năm 2018		9 tháng đầu năm 2019	
	Giá trị	%DTT	Giá trị	%DTT	Giá trị	%DTT
Giá vốn hàng bán	22.527.976.757	31%	29.943.489.601	38%	20.990.148.102	46%
Chi phí bán hàng	-	0%	-	0%	-	0%
Chi phí QLDN	1.873.301.064	3%	1.881.249.082	2%	1.472.366.436	3%
Chi phí tài chính	29.387.486.367	40%	25.879.320.068	32%	17.639.257.178	38%
<b>Cộng</b>	<b>53.788.764.188</b>	<b>74%</b>	<b>57.704.058.751</b>	<b>72%</b>	<b>40.101.771.716</b>	<b>87%</b>

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2018, BCTC quý 3/2019

Nhìn chung, tổng chi phí sản xuất kinh doanh trên doanh thu thuần của Công ty chiếm



khoảng 72% -74% trong giai đoạn 2017-2018. Trong 9 tháng đầu năm 2019, tỷ trọng tổng chi phí sản xuất kinh doanh trên doanh thu thuần tăng lên 87% do doanh thu bán điện có xu hướng giảm, trong khi đó vẫn phải duy trì các chi phí khác cho hoạt động kinh doanh như Chi phí QLDN, Chi phí tài chính...

Năm 2017, tỷ lệ giá vốn hàng bán trên doanh thu thuần ở mức 31%. Năm 2018, tỷ lệ giá vốn hàng bán trên doanh thu thuần tăng lên 38% do Công ty ghi nhận khoản chi phí Thuế tài nguyên và phí dịch vụ môi trường rừng phải nộp hơn 6,7 tỷ đồng bằng đúng với khoản doanh thu tiền Thuế tài nguyên và phí dịch vụ môi trường. 9 tháng đầu năm 2019, tỷ lệ giá vốn trên doanh thu thuần tăng lên 46% do doanh thu bán điện sụt giảm khá mạnh, trong khi đó giá vốn lại tăng mạnh do ghi nhận chi phí khắc phục sự cố sạt lở (khoảng 3 tỷ đồng) vào giá vốn.

Chi phí lãi vay trong năm 2018 giảm 3,5 tỷ đồng so với năm 2017 do Công ty đã giảm số dư vay dài hạn ngân hàng.

Xét về cơ cấu chi phí, giá vốn hàng bán và chi phí tài chính chiếm tỷ trọng lớn nhất. Chi phí tài chính, 100% là chi phí lãi vay, chủ yếu phát sinh từ khoản vay dài hạn Ngân hàng BIDV từ năm 2014 để đầu tư cho dự án thủy điện Bắc Nà. Chi phí về quản lý doanh nghiệp chủ yếu là chi phí cho nhân viên quản lý của công ty. Ngoài ra, do đặc thù hoạt động kinh doanh, Công ty sản xuất điện và bán trực tiếp cho Tổng công ty Điện lực miền Bắc để thực hiện phân phối đến người tiêu dùng, do đó hoạt động của Công ty không phát sinh chi phí bán hàng.

Tình hình quản lý chi phí của Công ty 09 tháng đầu năm 2019 tương đối ổn định. Tuy nhiên, do thiệt hại từ thiên tai, sạt lở đất, dẫn đến phát sinh chi phí sửa chữa khắc phục sự cố khiến cho giá vốn bán điện tăng lên.

#### **5.5. Trình độ công nghệ:**

Các hệ thống thiết bị điện trong Nhà máy thủy điện của Công ty được cung cấp chủ yếu bởi các nhà chế tạo thiết bị có uy tín của trong và ngoài nước, ứng dụng công nghệ kỹ thuật số trong điều khiển và giám sát hoạt động của toàn nhà máy. Các thiết bị này đáp ứng tốt các yêu cầu kỹ thuật của đơn vị tư vấn thiết kế nhà máy và đơn vị mua điện của nhà máy là Tổng công ty Điện lực Miền Bắc. Vì nhà máy mới được đưa vào hoạt động từ cuối năm 2016 nên có ưu thế trong việc áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật tiên tiến trên thế giới. Cho đến hiện tại trong quá trình hoạt động chưa có những trục trặc về thiết bị nghiêm trọng nào. Hệ thống có tính năng tự động cao do đó giảm đc số lượng lớn nhân sự trong vận hành các thiết bị nhà máy. Giao diện đơn giản, dễ sử dụng, có chế độ kiểm tra giám sát để điều chỉnh hoặc khi cần sẽ loại bỏ thiết bị hư hỏng để không ảnh hưởng đến các thiết bị khác trong hệ thống.



### 5.6. Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới

Ngành nghề chính của Công ty là sản xuất, kinh doanh mua và bán điện. Dự án Nhà máy thủy điện Bắc Hà được khởi động năm 2014 đến nay đã hoàn tất và đi vào hoạt động. Hiện nay, Công ty đang đầu tư dự án thủy điện thứ 2 là Dự án Thủy điện Bắc Hà 1 theo Quyết định chủ trương đầu tư số 1326/QĐ-UBND ngày 07/05/2018 do Ủy ban Nhân dân tỉnh Lào Cai cấp.

Địa điểm dự án: Xã Thái Giàng Phố, huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai.

Mục tiêu dự án: Cung cấp lượng điện bình quân năm  $E_o = 9,17$  triệu kwh/năm vào lưới điện quốc gia.

Một số thông số kỹ thuật của dự án:

- Cấp điện áp hòa đồng bộ lên lưới: 35 KV
- Cột nước tính toán: 121,57 m
- Công suất lắp máy: 2,8 MW
- Công suất đảm bảo: 0,5 MW

Tiến độ thực hiện dự án (dự kiến):

Khởi công xây dựng công trình: Tháng 6/2018

Hoàn thành lắp đặt thiết bị cơ điện, đưa dự án vào phát điện: Tháng 12/2019

### 5.7. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm/dịch vụ

Sản phẩm điện là sản phẩm đặc thù, sản xuất và tiêu thụ song song với nhau, không có hàng tồn kho. Do đó, chất lượng được kiểm định trực tiếp thông qua Trung tâm điều hành lưới điện quốc gia và các trung tâm điều độ miền Bắc.

Bộ phận kỹ thuật của Công ty có trách nhiệm kiểm tra đảm bảo chất lượng nguồn điện cung cấp bằng cách đáp ứng tốt các thông số kỹ thuật theo quy định chung của ngành điện như tần số, điện áp, hòa lưới điện và ngừng máy theo yêu cầu của Trung tâm điều độ hệ thống điện quốc gia, đảm bảo sự an toàn của con người, thiết bị và cơ sở hạ tầng của nhà máy.

Ngoài ra, bộ phận kỹ thuật còn có nhiệm vụ phối hợp với nhà máy trong việc tiếp nhận, quản lý vận hành các thiết bị để sản xuất điện theo kế hoạch và chất lượng như quy định theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008. Trong thời gian qua cùng với việc từng bước củng cố tổ

chức hoạt động, công ty đã xây dựng và áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008.

### 5.8. Hoạt động Marketing

Do Nhà máy thủy điện Bắc Nà là dự án đã được nhà nước đặt hàng nên việc tiêu thụ sản phẩm sau khi dự án hoàn thành đưa vào sử dụng sẽ được nhà nước bao tiêu. Đặc biệt trong điều kiện nguồn cung về năng lượng điện còn thấp so với lượng cầu hiện nay, hoạt động marketing sản phẩm không được xem là quan trọng trong giai đoạn hiện nay.

### 5.9. Nhân hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

Từ khi đi vào hoạt động đến nay, công ty không sử dụng Logo. Hiện nay công ty chưa có kế hoạch đăng ký bản quyền nhân hiệu thương mại với cơ quan có thẩm quyền.

### 5.10. Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết.

Căn cứ quy định hiện nay, nhà nước độc quyền trong lĩnh vực truyền tải và phân phối điện. Do đó, về hợp đồng cung cấp sản phẩm/dịch vụ đầu ra, Công ty chỉ ký Hợp đồng mua bán điện với Tổng công ty Điện lực miền Bắc. Thông tin cụ thể như sau:

Hợp đồng	Tên đối tác	Sản phẩm/dịch vụ cung cấp	Giá trị hợp đồng hàng năm	Thời gian thực hiện
Hợp đồng số 158/EVNNPC-B9 ngày 26/10/2015 và các Phụ lục sửa đổi, bổ sung Hợp đồng	Tổng công ty Điện lực miền Bắc	Điện năng	Sản lượng điện xuất bán * giá bán điện do Cục điều tiết điện lực – Bộ Công thương công bố hàng năm	20 năm kể từ ngày vận hành thương mại Nhà máy thủy điện Bắc Nà
Hợp đồng số 231/EVNNPC-KD ngày 15/05/2019	Tổng công ty Điện lực miền Bắc	Điện năng	Sản lượng điện xuất bán * giá bán điện do Cục điều tiết điện lực – Bộ Công thương công bố hàng năm	20 năm kể từ ngày vận hành thương mại Nhà máy thủy điện Bắc Nà 1

Nguồn: Công ty cổ phần Điện Bắc Nà

## 6. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh



**6.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu chủ yếu về hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong hai năm gần nhất**

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	% tăng/giảm năm 2018 so với năm 2017	9 tháng đầu năm 2019
Tổng giá trị tài sản	444.584.608.067	445.793.073.071	0,3%	462.501.532.645
Vốn chủ sở hữu	154.766.117.962	181.724.874.344	17,4%	168.974.140.835
Doanh thu thuần	73.092.719.703	79.658.359.230	9,0%	45.824.972.332
Lợi nhuận gộp	50.564.742.946	49.714.869.629	-1,7%	24.834.824.230
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	19.766.117.962	22.458.756.382	13,6%	6.080.008.183
Lợi nhuận khác	-	-	/	(230.741.692)
Lợi nhuận trước thuế	19.766.117.962	22.458.756.382	13,6%	5.849.266.491
Lợi nhuận sau thuế	19.766.117.962	22.458.756.382	13,6%	5.849.266.491
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	68,30%	82,82%	/	/
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu	13,64%	13,35%	/	/

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2018 và BCTC quý 3 năm 2019

Trong bối cảnh thiên nhiên diễn biến bất lợi về thời tiết, năm 2015-2016 được xem là giai đoạn khó khăn của các doanh nghiệp thuộc nhóm ngành thủy điện. Từ cuối năm 2016 và bước sang giai đoạn 2017-2018, lượng mưa khá cao và kéo dài nên lượng nước sử dụng cho hoạt động phát điện của nhà máy thủy điện Bắc Nà ổn định và đạt năng suất khá cao, trung bình mỗi năm phát được khoảng 60 triệu kwh điện thương phẩm. Doanh thu bán điện trong hai năm qua ổn định ở mức trên 70 tỷ đồng/năm.

Bên cạnh đó, với việc Công ty đã cùng với các chủ đầu tư nhà máy thủy điện vừa và nhỏ trên toàn quốc làm việc với Cục điều tiết điện lực – Bộ Công thương để điều chỉnh tăng giá mua điện năm 2018 đối với các thủy điện vừa và nhỏ, nên mặc dù sản lượng điện có sự giảm nhẹ so với năm 2017, tuy nhiên doanh thu thuần và lợi nhuận trước thuế vẫn tăng so với năm 2017. Bên cạnh đó, công ty đang trong thời gian được ưu đãi

về thuế, được miễn thuế 4 năm và giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 9 năm tiếp theo kể từ năm đầu tiên Công ty có thu nhập chịu thuế. Năm 2017 là năm đầu tiên công ty phát sinh thu nhập chịu thuế TNDN. Do đó, từ năm 2017 – năm 2010, công ty được miễn thuế TNDN.

Trong 9 tháng đầu năm 2019, hoạt động phát điện của công ty gặp một số khó khăn nhất định khi lưu lượng nước trên dòng chảy suối Bắc Nà giảm thấp. Theo đó, sản lượng điện thương phẩm 9 tháng đầu năm 2019 chỉ đạt 31,96 triệu kwh, giảm 30% so với cùng kỳ năm 2018 (45,64 triệu kwh), giá trị doanh thu bán điện đạt 41,66 tỷ đồng, giảm 26,8% so với cùng kỳ năm 2018 (56,91 tỷ đồng). Lợi nhuận sau thuế 9 tháng đầu năm 2019 đạt 5,84 tỷ đồng, giảm 70% so với cùng kỳ năm 2018 (19,6 tỷ đồng).

## **6.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong năm báo cáo**

### **❖ Thuận lợi**

- Công ty đang trong thời gian được ưu đãi về thuế (được miễn thuế 4 năm và giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 9 năm tiếp theo kể từ năm đầu tiên Công ty có thu nhập chịu thuế. Năm 2017 là năm đầu tiên công ty phát sinh thu nhập chịu thuế TNDN).
- Công ty được Cục thuế tỉnh Lào Cai miễn tiền thuê đất tại xã Thái Giàng Phố và xã Bản Liền, huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai với diện tích đất thuê 117.043 m<sup>2</sup>. Thời gian được miễn tiền thuê đất 16 năm tính từ tháng 5/2014 đến hết tháng 4/2030.
- Công ty được Cục thuế tỉnh Lào Cai miễn tiền thuê đất tại xã Thái Giàng Phố và xã Nậm Khánh, huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai với diện tích đất thuê 19.755,7 m<sup>2</sup>. Thời gian được miễn tiền thuê đất là 14 năm 5 tháng năm tính từ tháng 3/2016 đến hết tháng 7/2030.
- Công ty đã thực hiện tốt chủ trương của UBND tỉnh Lào Cai và các Sở ban ngành tỉnh Lào Cai cũng như mối quan hệ tốt với các đơn vị liên quan để vận hành phát điện đạt hiệu quả.
- Làm việc với Công ty Điện lực Lào Cai, Tổng công ty Điện lực miền Bắc huy động tối đa công suất phát điện của nhà máy để đem lại kết quả sản xuất kinh doanh cao nhất.
- Công ty đã cùng với các chủ đầu tư nhà máy thủy điện vừa và nhỏ trên toàn quốc làm việc với Cục Điều tiết điện lực – Bộ Công thương để điều chỉnh tăng giá mua điện 2018 đối với các thủy điện vừa và nhỏ.
- Được sự quan tâm, chỉ đạo sát sao của HĐQT, cùng với sự hăng say, nhiệt tình trong



công việc, trình độ chuyên môn của CBCNV công ty ngày càng được nâng cao đáp ứng nhu cầu quản lý vận hành an toàn và liên tục cho nhà máy.

❖ **Khó khăn**

Năm 2018 thời tiết nắng nhiều, mưa ít, lưu lượng dòng chảy suối Bắc Hà duy trì ở mức khá thấp, không thuận lợi cho nhà máy trong việc phát điện nên chỉ tiêu đạt được có sự giảm sút nhẹ so với năm 2017.

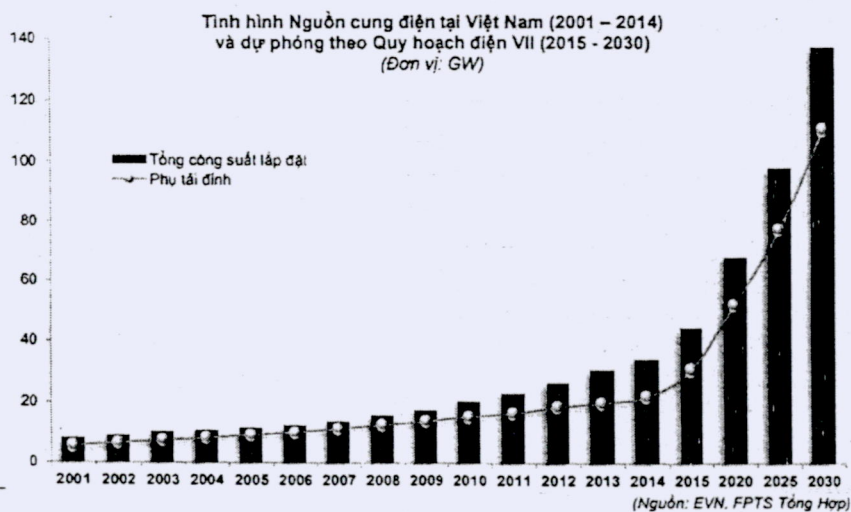
**7. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành**

**7.1. Vị thế của Công ty trong ngành**

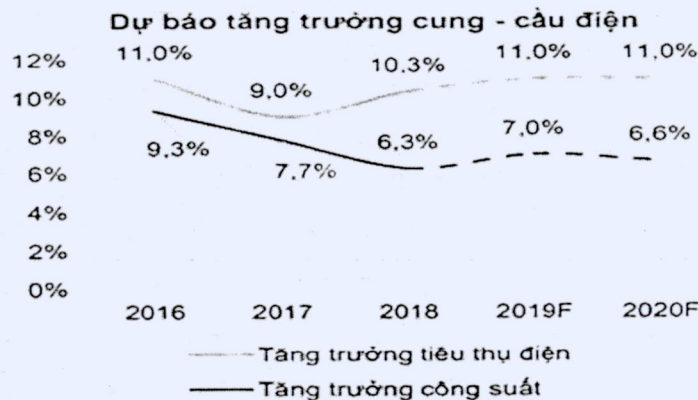
- Công ty đã tập trung được nguồn nhân lực chất lượng cao nhằm tạo giá trị gia tăng bền vững cho bản thân công ty và khách hàng.
- Công ty có hệ thống quản lý tiên tiến đảm bảo vận hành đạt hiệu suất cao và an toàn.
- Công ty có định hướng chiến lược kinh doanh trung và dài hạn rõ ràng. Chiến lược đa dạng hóa sản xuất kinh doanh và đầu tư của Công ty hứa hẹn đem tới bước phát triển về doanh thu và lợi nhuận.
- Dự án thủy điện Bắc Hà có điều kiện thủy văn tốt, lượng mưa hàng năm đều, lưu lượng dòng chảy rất ổn định. Đây là một điều thuận lợi đối với nhà máy Thủy điện Bắc Hà. Suất đầu tư của xây dựng nhà máy là rất cạnh tranh so với các nhà máy thủy điện khác.

**7.2. Triển vọng phát triển của ngành**

Về nhu cầu điện năng, theo một số nhà phân tích, Quy hoạch điện VII điều chỉnh đặt mục tiêu tổng sản lượng điện sản xuất và nhập khẩu đạt 265 tỷ kWh trong năm 2020, tương đương 10,7% tỷ lệ tăng trưởng kép hàng năm (CAGR) trong giai đoạn 2015 – 2020. Dựa trên tốc độ tăng trưởng sản lượng điện hàng năm cũng như tốc độ tăng trưởng GDP ổn định của Việt Nam gần đây thì 10,7% CAGR là một giả định hợp lý để dự phóng nhu cầu điện năng của Việt Nam trong vài năm tới.



Với giả định nhu cầu điện tăng trưởng 10,7% / năm và dựa trên tiến độ hoàn thành cũng như kế hoạch xây dựng nhà máy điện mới của EVN, các nhà phân tích cho rằng nguồn cung điện năng nội địa tại Việt Nam sẽ không đáp ứng đủ nhu cầu điện trong trung và dài hạn. Theo ước tính ở trên, tốc độ tăng trưởng về tiêu thụ điện sẽ đạt khoảng 11% trong giai đoạn 2018 – 2022 và sau đó sẽ giảm về mức 9 – 10% cho tới năm 2030. Trong khi đó, nguồn cung điện thực tế hiện mới chỉ đạt mức tăng trưởng khoảng 6 – 7%. Sự chênh lệch giữa tốc độ tăng trưởng cung – cầu hiện vẫn đang được bù đắp bởi hoạt động từ các nhà máy nhiệt điện dầu. Dự kiến trong 2 năm 2019 và 2020, nhiệt điện dầu sẽ đóng góp khoảng 4,4 và 5,2 tỷ kWh, giúp đảm bảo cân bằng cung – cầu điện. Tuy nhiên, từ sau 2021, Việt Nam sẽ có nhiều khả năng phải đối mặt với rủi ro thiếu hụt điện trên thị trường.



Nguồn: MOIT, FPTIS dự phòng

Đối với ngành thủy điện, Việt Nam nằm ở khu vực khí hậu nhiệt đới gió mùa, nóng ẩm, mưa nhiều. Lượng mưa trung bình năm khoảng 2.000 mm. Lượng mưa nơi nhiều nhất đạt tới 4.000 – 5.000 mm, trong khi thấp nhất cũng đạt đến 1.000 mm. Mùa mưa hằng năm kéo dài từ 3 – 5 tháng và có sự phân hóa vùng miền. Ở khu vực miền Bắc, miền Nam và Tây Nguyên, mùa mưa thường bắt đầu từ tháng 5, 6 và kết thúc vào tháng 10, 11. Khu vực Đông Trường Sơn và vùng duyên hải Miền Trung, mùa mưa bắt đầu chậm hơn 2 - 3 tháng trong khi khu vực khu 4 cũ (Quy Nhơn – Nghệ Tĩnh) thì mùa mưa thường chậm hơn 1 – 2 tháng. Lượng mưa vào 3 tháng có mưa nhiều nhất chiếm đến 60 – 80% tổng lượng mưa cả năm.

Địa hình nước ta đến 4/5 diện tích là đồi núi và cao nguyên, trong khi đó mạng lưới sông ngòi lại dày đặc với mật độ trung bình là 0,6 km/km<sup>2</sup>. Có 9 hệ thống sông có diện tích lưu vực từ 10.000 km<sup>2</sup> trong đó tổng số các con sông có chiều dài trên 10km lên đến 2.360. Hầu hết sông ngòi Việt Nam đều đổ ra biển Đông, hằng năm mạng lưới này vận chuyển ra biển một lượng nước đến 867 tỷ m<sup>3</sup> /năm với lưu lượng bình quân



khoảng 37.500 m<sup>3</sup> /s.

Theo nhiều nghiên cứu cho thấy, có 10 hệ thống sông lớn có tiềm năng phát triển thủy điện với tổng trữ năng lý thuyết được đánh giá khoảng 300 tỷ kWh/năm, công suất lắp máy được đánh giá khoảng 34.647 MW. Tổng tiềm năng kỹ thuật được đánh giá vào khoảng 120 tỷ kWh với công suất khoảng 30.000 MW. Tuy nhiên nếu xem xét thêm các yếu tố kinh tế - xã hội, tác động đến môi trường và dự báo về biến đổi khí hậu sẽ xảy ra tại Việt Nam thì tiềm năng kinh tế - kỹ thuật được đánh giá khoảng 80 – 84 tỷ kWh/năm, tương đương với công suất lắp máy khoảng 19.000 – 21.000 MW và tập trung chủ yếu trên 3 dòng sông chính là Sông Đà, Sông Sê San, và Sông Đồng Nai.

#### Tiềm năng Thủy điện Việt Nam

Lưu vực sông	Diện tích km <sup>2</sup>	Tổng công suất MW	Điện lượng GWh
Sông Đà	17200	6960	26.96
Sông Lô - Gâm - Chảy	52500	1120	4.1
Sông Mã - Chu	28400	890	3.37
Sông Cà	27200	520	2.09
Sông Hương	2800	480	2.13
Sông Vu Gia - Thu Bồn	10500	1360	5.1
Sông Sê San	11450	1980	9.36
Sông Serepok	12200	700	3.32
Sông Ba	13800	670	2.7
Sông Đồng Nai	17600	2870	11.64
Thủy điện nhỏ		1000 - 3000	4000 - 12000
<b>Tổng cộng</b>		<b>19000 - 21000</b>	<b>80000 - 84000</b>

(Nguồn: FPTIS Tổng hợp)

Giá bán điện trên thị trường phát điện cạnh tranh (CGM) tăng trở lại nhưng vẫn ở mức thấp. Theo phương án vận hành thị trường phát điện cạnh tranh năm 2018, thành phần cố định trong giá CGM tăng nhẹ khoảng 1% so với năm 2017. Trong khi đó, giá trần của thành phần biến đổi cũng chỉ tăng nhẹ từ 1.266 đồng/kwh lên 1.280 đồng/kwh. Cùng với triển vọng nguồn cung thủy điện, giá CGM được dự báo sẽ tăng vừa phải trong thời gian tới.

#### 7.3. So sánh tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của các DN trong cùng ngành

Hiện nay tại HSX và HNX có nhiều công ty đang niêm yết hoặc đăng ký giao dịch có ngành nghề hoạt động tương tự với Công ty cổ phần Điện Bắc Hà. Các chỉ tiêu về tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp năm 2018:

Mã	Tên	VĐL (tỷ đồng)	DTT (tỷ đồng)	Biên LNG (%)	LNST (tỷ đồng)	EPS (đ/cp)
EBA	CTCP Thủy điện Bắc Nà	155,00	79,66	62,41	22,46	1.584
NTH	CTCP Thủy điện Nước Trong	108,02	88,92	51,55	25,29	2.137
CHP	CTCP Thủy điện Miền Trung	1.385,99	470,02	43,55	95,89	692
TMP	CTCP Thủy điện Thác Mơ	700,00	886,53	67,51	514,09	7.245
SHP	CTCP Thủy điện Miền Nam	937,10	619,29	50,06	187,52	1.884
VSH	CTCP Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh	2.062,41	563,58	61,98	306,21	1.445
SJD	CTCP Thủy điện Cản Đơn	689,99	496,32	55,22	190,98	2.768
TBC	CTCP Thủy điện Thác Bà	635,00	396,08	66,16	205,55	3.237
HJS	CTCP Thủy điện Nậm Mu	210,00	180,23	33,58	44,27	2.120
SBA	CTCP Sông Ba	604,88	254,01	67,67	96,34	1.595
GHC	CTCP Thủy điện Gia Lai	205,00	156,09	68,52	100,68	4.666



Mã	Tên	VĐL (tỷ đồng)	DTT (tỷ đồng)	Biên LNG (%)	LNST (tỷ đồng)	EPS (đ/cp)
DRL	CTCP Thủy điện - Điện lực 3	95,00	84,34	68,09	51,78	5.132
GSM	CTCP Thủy điện Hương Sơn	285,62	116,85	48,18	5,38	188
ISH	CTCP Thủy điện Srok Phu Miêng IDICO	450,00	273,24	55,20	94,40	2.098
S4A	CTCP Thủy điện Sê San 4A	422,00	307,49	65,30	131,30	3.111
SEB	CTCP Đầu tư và Phát triển Điện miền Trung	320,00	242,98	63,81	112,22	3.156

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2018 của các công ty (trường hợp có công ty con số liệu theo BCTC hợp nhất)

So với 15 doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực thủy điện hiện đang niêm yết hoặc đăng ký giao dịch trên sàn giao dịch chứng khoán nêu trên, CTCP Điện Bắc Nà có mức vốn điều lệ, doanh thu thuần và lợi nhuận sau thuế nhỏ hơn so với nhiều doanh nghiệp cùng ngành. Tuy nhiên, biên lợi nhuận gộp của Công ty với giá trị 62,41% nằm ở mức cao so với bình quân ngành (58,05%). EPS năm 2018 là 1.584 đồng/cổ phần (lớn hơn 4 doanh nghiệp khác). Điều này cho thấy hiệu quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành.

#### 7.4. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, và xu thế chung trên thế giới.

Để nâng cao tầm ảnh hưởng và vị thế của Công ty trong những năm tới, Công ty Cổ phần Điện Bắc Nà đã có những định hướng như sau:

- Tiếp tục tìm kiếm cơ hội đầu tư (thông qua hợp tác đầu tư, góp vốn cổ phần/ hoặc chuyển nhượng dự án để tham gia đầu tư thủy điện có quy mô nhỏ, dưới 30MW) trên địa bàn các tỉnh Phía Bắc: là các dự án chưa hoặc đã triển khai, hiện đang có khó khăn

nhưng được đơn vị tư vấn đánh giá là dự án có tính khả thi và hiệu quả, báo cáo đề xuất cấp có thẩm quyền về triển vọng đầu tư và phương án hợp tác;

- Triển khai dự án thủy điện Bắc Hà 1 trong năm 2018-2019, hoàn thiện dự án và đưa vào vận hành khai thác từ cuối năm 2019.

Có thể thấy định hướng phát triển của Công ty là khá phù hợp với tình hình hiện nay của ngành điện Việt Nam cũng như với các chính sách đầu tư, quản lý điện của Nhà nước và xu thế chung trên thế giới. Hiện nay, nhiều công ty lựa chọn việc đầu tư vào các dự án có quy mô nhỏ nhưng mang lại kết quả cao cho các nhà đầu tư. Bên cạnh đó, đời sống của CBCNV trong công ty cũng được các công ty ở Việt Nam nói riêng và trên thế giới nói chung chú trọng nhiều hơn. Mỗi công ty có những cách khác nhau để thúc đẩy động lực làm việc để từ đó nâng cao hiệu suất/ năng suất làm việc.

Với lợi thế sẵn có cùng với chiến lược phát triển ngành năng lượng hiện tại của Việt Nam, trong tương lai, ngành năng lượng nói chung và ngành điện cũng như thủy điện nói riêng vẫn giữ một vai trò quan trọng trong việc góp phần tạo nên tốc độ tăng trưởng kinh tế được dự báo là cao và đầy triển vọng của Việt Nam. Do đó, phạm vi hoạt động hiện tại của Công ty hoàn toàn phù hợp với định hướng phát triển chung của ngành.

## 8. Chính sách đối với người lao động

### 8.1. Số lượng lao động trong Công ty

Tính đến ngày 30/09/2019, Công ty có 31 lao động.

Loại lao động	Lao động	
	Số người	Tỷ lệ
1. Trình độ đại học và trên đại học	15	48.4%
2. Trình độ cao đẳng	7	22.6%
3. Trình độ trung cấp	7	22.6%
4. Lao động phổ thông	2	6.4%
<b>Tổng cộng</b>	<b>31</b>	<b>100%</b>

*Nguồn: Công ty cổ phần Điện Bắc Hà*

### 8.2. Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp cho người lao động

#### ❖ Chế độ làm việc

- Người lao động trong Công ty đều có hợp đồng lao động theo đúng Luật lao động. Người lao động được hưởng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp theo

đúng quy định.

- Công ty thực hiện chế độ làm thêm giờ, chế độ thai sản, chăm sóc con nhỏ theo đúng Luật hiện hành.
- Thời gian làm việc: 48 tiếng/ tuần
- Một năm mỗi nhân viên có 12 ngày nghỉ phép năm, trường hợp độc hại nặng nhọc là 14 ngày phép, đi làm các ngày lễ tết sẽ được nghỉ bù

❖ **Chính sách tuyển dụng và đào tạo**

- **Tuyển dụng:** Hiện nay Công ty tiến hành tuyển dụng thông qua các kênh như: Website của Công ty, các bảng thông báo treo tại cổng. Tùy theo từng vị trí cụ thể mà Công ty đề ra những tiêu chuẩn bắt buộc riêng. Cụ thể là cán bộ quản lý phải có trình độ chuyên môn, đạo đức và kinh nghiệm trong công tác, công nhân vận hành phải có tay nghề, chăm chỉ, ham học hỏi...Ngoài ra công ty còn tuyển dụng trên trang 24h.vieclam để chọn lọc các hồ sơ hợp lý.
- **Đào tạo:** Khi vào làm việc công nhân viên sẽ được tập huấn ATVSLĐ, AN máy móc...Để đảm bảo đáp ứng yêu cầu sản xuất kinh doanh ngày càng cao, Công ty rất chú trọng việc đẩy mạnh các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, đặc biệt là trình độ chuyên môn nghiệp vụ và ứng dụng hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2008. Hình thức đào tạo chính hiện nay tại Công ty vẫn là tự đào tạo, người đi trước hướng dẫn, kèm cặp người đi sau. Bên cạnh đó, Công ty cũng thường xuyên cử cán bộ tham gia các khoá tập huấn, đào tạo bên ngoài và hỗ trợ kinh phí đào tạo cho các trường hợp lao động tự đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Đối với nhân viên mới tuyển dụng, Công ty sẽ tiến hành đào tạo về nghiệp vụ, công nghệ và tạo mọi điều kiện thuận lợi để người lao động sớm thích nghi và nắm bắt được công việc mới.

❖ **Chính sách lương, thưởng, phúc lợi:**

- **Chính sách lương:** Công ty xây dựng chính sách lương riêng phù hợp với đặc trưng ngành nghề hoạt động và bảo đảm cho người lao động được hưởng đầy đủ các chế độ theo quy định của Nhà nước.
- **Chính sách thưởng:** Nhằm khuyến khích, động viên cán bộ công nhân viên trong Công ty gia tăng hiệu quả làm việc, Công ty có chính sách thưởng hàng kỳ, thưởng đột xuất cho cá nhân và tập thể. Việc xét thưởng căn cứ vào thành tích của cá nhân hoặc tập thể trong thực hiện công việc đạt được hiệu quả cao, có sáng kiến trong cải tiến phương pháp làm việc, nghiên cứu phát triển sản phẩm mới, tiết kiệm chi phí... Ngoài ra, Công ty còn có chế độ lương thưởng vào cuối năm, số tiền thưởng sẽ tùy thuộc vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và Quỹ lương của Công ty trong năm.
- **Bảo hiểm và phúc lợi:** Việc trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế được Công ty trích nộp đúng theo quy định của pháp luật. Công ty thực hiện các chế độ bảo hiểm xã



hội cho người lao động theo Luật lao động và tổ chức khám sức khoẻ định kỳ hàng năm cho toàn thể cán bộ công nhân viên.

- **Tổ chức Công đoàn, Đoàn Thanh niên:** Công đoàn và Đoàn Thanh niên Công ty hoạt động khá hiệu quả. Hàng năm Công ty đều tổ chức các phong trào thể dục thể thao, giao lưu văn nghệ trong cán bộ công nhân viên để tạo điều kiện cho công nhân viên Công ty được nâng cao đời sống tinh thần và rèn luyện sức khoẻ

## 9. Chính sách cổ tức

HĐQT Công ty xây dựng phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ để trình ĐHĐCĐ. Phương án này được xây dựng trên cơ sở lợi nhuận sau thuế mà Công ty thu được từ hoạt động kinh doanh trong năm tài chính, sau khi đã thực hiện nghĩa vụ nộp thuế và tài chính khác theo quy định của pháp luật hiện hành. Công ty cũng xét tới kế hoạch và định hướng kinh doanh, chiến lược đầu tư mở rộng hoạt động kinh doanh trong năm tới để đưa ra mức cổ tức hợp lý.

Căn cứ tình hình hoạt động thực tế của Công ty, kể từ cuối tháng 12/2016 Nhà máy Thủy điện Bắc Nà mới chính thức đưa vào vận hành khai thác. Tình hình chi trả cổ tức năm 2017 và năm 2018 như sau:

	Năm 2017	Năm 2018
Vốn điều lệ thực góp	135.000.000.000	155.000.000.000
Tỷ lệ cổ tức/vốn điều lệ	10% (bằng tiền)	12% (bằng tiền)
Thời gian thanh toán	Tháng 02/2018	Đã thanh toán vào tháng 9/2019

Nguồn: Căn cứ nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2018 và năm 2019 của Công ty

## 10. Tình hình hoạt động tài chính

### 10.1. Các chỉ tiêu cơ bản

#### 10.1.1. Trích khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định của Tổng Công ty được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính theo quy định của Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

Loại tài sản cố định	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	25 năm
Máy móc, thiết bị	20 năm
Phương tiện vận tải	8 năm

#### 10.1.2. Mức lương bình quân của người lao động

Hiện nay, bình quân thu nhập hàng tháng của người lao động của Công ty là 12.000.000 đồng/người/tháng, tương đối cao so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành.

#### 10.1.3. Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Công ty luôn thanh toán đầy đủ và đúng hạn các khoản nợ và khoản vay, không có nợ quá hạn.

#### 10.1.4. Các khoản phải nộp theo luật định

- Thuế GTGT: Áp dụng mức thuế suất 10% đối với hoạt động bán điện.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty được hưởng ưu đãi đối với dự án thủy điện như sau:
  - + Áp dụng thuế suất 10% trong 15 năm kể từ khi có doanh thu từ dự án đầu tư. Năm 2017 là năm đầu tiên Nhà máy thủy điện Bắc Nà đi vào hoạt động, do đó, Công ty được hưởng thuế suất ưu đãi 10% từ năm 2017 đến năm 2031.
  - + Miễn thuế 4 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo kể từ khi Công ty có thu nhập chịu thuế từ dự án đầu tư. Năm 2017 là năm đầu tiên Công ty phát sinh thu nhập chịu thuế. Từ năm 2017-2020, công ty được miễn thuế TNDN.
- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

#### Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2017	31/12/2018	30/09/2019
Thuế GTGT	2.122.656.609	545.902.671	0
Thuế thu nhập cá nhân	19.627.169	21.117.332	240.740.209
Thuế tài nguyên	260.497.645	178.788.182	624.361.896



Các loại thuế khác	-	-	0
<b>Tổng cộng</b>	<b>2.402.781.423</b>	<b>745.808.185</b>	<b>865.102.105</b>

*Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2018 và BCTC quý 3 năm 2019*

Công ty đã thực hiện nghiêm túc nghĩa vụ nộp thuế GTGT và các khoản phải nộp Nhà nước khác theo đúng quy định hiện hành.

#### 10.1.5. Trích lập các quỹ theo luật định

Công ty trích lập và sử dụng các quỹ theo quy định áp dụng cho các doanh nghiệp là công ty cổ phần, theo điều lệ tổ chức hoạt động của công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

*Đơn vị: đồng*

Chỉ tiêu	31/12/2017	31/12/2018	30/09/2019
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	1.705.000.000	1.545.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	-	4.266.117.962	4.266.117.962
Lợi nhuận chưa phân phối	19.766.117.962	22.458.756.382	9.708.022.873
<b>Tổng cộng</b>	<b>19.766.117.962</b>	<b>28.429.874.344</b>	<b>15.519.140.835</b>

*Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2018; BCTC quý 3 năm 2019*

#### 10.1.6. Tổng dư nợ vay:

*Đơn vị: đồng*

Chỉ tiêu	31/12/2017	31/12/2018	30/09/2019
<b>Nợ vay ngắn hạn</b>	<b>33.900.000.000</b>	<b>39.300.000.000</b>	<b>54.210.000.000</b>
Vay ngắn hạn ngân hàng (*)	12.900.000.000	17.300.000.000	13.610.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	21.000.000.000	22.000.000.000	22.000.000.000
Vay CBCNV(**)	-	-	18.600.000.000
<b>Nợ vay dài hạn</b>	<b>238.910.109.978</b>	<b>216.910.109.978</b>	<b>225.885.109.978</b>
Vay dài hạn ngân hàng (***)	238.910.109.978	216.910.109.978	225.885.109.978



<b>Tổng cộng</b>	<b>272.810.109.978</b>	<b>256.210.109.978</b>	<b>280.095.109.978</b>
------------------	------------------------	------------------------	------------------------

*Nguồn: BCTC kiểm toán năm năm 2018; BCTC quý 3 năm 2019*

(\*) Vay ngắn hạn là khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Đắk Lắk.

(\*\*) Vay CBCNV với lãi suất 11%/năm, thời hạn trả đến 30/06/2020 theo Hợp đồng vay vốn số 18/9 ngày 18/09/2019. Mục đích vay: dùng để trả cổ tức năm 2018 cho cổ đông.

(\*\*\*) Vay dài hạn ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển chi nhánh Thanh Xuân – Hà Nội theo hợp đồng số 01/2014/1513776/HĐTD ngày 19/10/2014, thời hạn vay là 12 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời gian ân hạn là 03 năm. Mục đích vay: dùng để thanh toán các chi phí thực hiện đầu tư Dự án xây dựng Nhà máy Thủy điện Bắc Nà. Lãi suất cho vay thả nổi, điều chỉnh theo từng thời điểm. Tài sản đảm bảo là toàn bộ tài sản hình thành sau giai đoạn đầu tư xây dựng nhà máy thủy điện Bắc Nà.

Công ty luôn trả vốn gốc và lãi vay ngân hàng đúng hạn.

#### 10.1.7. Tình hình công nợ hiện nay

##### ❖ Các khoản phải thu

*Đơn vị: đồng*

	31/12/2017	31/12/2018	30/09/2019
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>8.755.472.543</b>	<b>23.771.426.228</b>	<b>6.058.093.733</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng (*)	8.477.817.949	6.819.848.253	5.537.082.618
Trả trước cho người bán ngắn hạn (**)	67.814.418	15.901.294.418	111.000.000
Phải thu ngắn hạn khác (***)	209.840.176	1.050.283.557	410.011.115
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Tổng cộng</b>	<b>8.755.472.543</b>	<b>23.771.426.228</b>	<b>6.058.093.733</b>

*Nguồn: BCTC kiểm toán năm năm 2018; BCTC quý 3 năm 2019*

(\*) Chủ yếu là khoản phải thu Tổng công ty điện lực Miền Bắc căn cứ hợp đồng mua bán điện ký giữa Công ty và Tổng công ty điện lực Miền Bắc.

(\*\*) Chủ yếu là khoản trả trước cho Công ty cổ phần Sông Đà 505 (tại 31/12/2018 là 15.470.000.000 đồng) về tạm ứng hợp đồng tổng thầu EBC thực hiện dự án thủy điện Bắc Nà

1. Tại 30/9/2019 là 0 đồng.

(\*\*\*) Phải thu ngắn hạn khác tại 31/12/2018 chủ yếu là khoản phải thu về đền bù bảo hiểm (là số tiền 856.311.776 đồng, đang chờ quyết toán với Công ty bảo hiểm Vietinbank Tây Nguyên về chi phí khắc phục thiệt hại do sạt lở năm 2018 liên quan đến Dự án nhà máy Thủy điện Bắc Nà). Đến 30/9/2019, Công ty đã hoàn tất thu hồi khoản phải thu về đền bù bảo hiểm nêu trên.

❖ **Các khoản phải trả**

Đơn vị: đồng

	31/12/2017	31/12/2018	30/09/2019
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>50.908.380.127</b>	<b>47.158.088.749</b>	<b>67.642.281.832</b>
Phải trả người bán ngắn hạn (*)	12.628.852.545	2.319.091.576	10.019.233.940
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	2.402.781.423	745.808.185	865.102.105
Phải trả người lao động	653.930.000	924.628.792	321.541.600
Chi phí phải trả ngắn hạn	516.496.825	475.167.688	-
Phải trả ngắn hạn khác	806.319.334	1.688.392.508	681.404.187
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	33.900.000.000	39.300.000.000	54.210.000.000
Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	1.705.000.000	1.545.000.000
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>238.910.109.978</b>	<b>216.910.109.978</b>	<b>225.885.109.978</b>
Phải trả người bán dài hạn	-	-	-
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	238.910.109.978	216.910.109.978	225.885.109.978
<b>Tổng Cộng</b>	<b>289.818.490.105</b>	<b>264.068.198.727</b>	<b>293.527.391.810</b>

Nguồn: BCTC kiểm toán năm năm 2018; BCTC quý 3 năm 2019

Phải trả người bán ngắn hạn chủ yếu là khoản phải trả CTCP Sông Đà 505. Tại 31/12/2018 là 1.356.311.776 đồng về chi phí thi công xây lắp khắc phục sạt lở năm 2018 liên quan đến dự án

nhà máy thủy điện Bắc Nà. Tại 30/9/2019 là 9.254.178.940 đồng về phí hợp đồng EBC thực hiện dự án nhà máy thủy điện Bắc Nà 1.

Phải trả ngắn hạn khác chủ yếu là khoản phí dịch vụ môi trường rừng (tại 31/12/2018 là 1.387.155.456 đồng và 30/9/2019 là 637.689.644 đồng). Đây là phí dịch vụ môi trường rừng phải trả Quỹ Bảo vệ môi trường rừng.

#### 10.1.8. Hàng tồn kho

Quá trình sản xuất và tiêu thụ điện diễn ra song song, do đó Công ty không có hàng tồn kho.

#### 10.1.9 Đầu tư tài chính

Đơn vị: đồng

	31/12/2017	31/12/2018	30/09/2019
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>16.100.000.000</b>	<b>17.300.000.000</b>	<b>16.800.000.000</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (*)	16.100.000.000	17.300.000.000	16.800.000.000
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
<b>Cộng</b>	<b>16.100.000.000</b>	<b>17.300.000.000</b>	<b>16.800.000.000</b>

(\*) Đây là khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng.

#### 10.2. Chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2017	Năm 2018
<b>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán (*)</b>			
Hệ số thanh toán ngắn hạn (=TSLĐ/Nợ ngắn hạn)	lần	0,50	0,89
Hệ số thanh toán nhanh (=TSLĐ-Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn).	Lần	0,50	0,89
<b>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	lần	0,65	0,59



Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2017	Năm 2018
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	lần	1,87	1,45
<b>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>			
Vòng quay hàng tồn kho (=Giá vốn Hàng bán/Hàng tồn kho bình quân).	Vòng/năm	/	/
Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	lần	0,17	0,18
<b>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	27,04	28,19
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu bình quân	%	13,64	13,35
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	4,52	5,04
Hệ số Lợi nhuận SXKD/Doanh thu thuần	%	27,04	28,19

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2017 và năm 2018

## 11. Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng

### 11.1. Hội đồng quản trị

TT	Họ và tên	Chức vụ	Thành viên HĐQT Điều hành/Không điều hành
1	Đặng Quang Đạt	Chủ tịch HĐQT	Không điều hành
2	Nguyễn Ngọc Bình	Thành viên HĐQT	Không điều hành
3	Nguyễn Văn Sơn	Thành viên HĐQT	Không điều hành

#### 11.1.1. Ông Đặng Quang Đạt – Chủ tịch HĐQT

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 12/03/1962

Nơi sinh: Ngọc Long - Yên Mỹ - Hưng Yên

Quốc tịch: Việt Nam

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Số 5 - Phùng Chí Kiên - Nghĩa Đô - Cầu Giấy - Hà Nội.

CMND số: 013399955      Nơi cấp: Hà Nội      Ngày cấp: 20/04/2011

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng ngầm

Chức vụ đang nắm giữ tại công ty: Chủ tịch HĐQT

Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc - Công ty cổ phần Sông Đà 505

Quá trình công tác:

Thời gian (Từ tháng năm đến tháng năm)	Đơn vị công tác	Chức vụ
1985 ÷ 1991	Trung tâm thiết kế thủy điện Hòa Bình	Cán bộ TK
1991 ÷ 1993	Công trường Selabam - Lào	Đội trưởng Đội khoan nổ
1993 ÷ 1995	TCT Sông Đà - Hòa Bình	Cán bộ Kỹ thuật
1995 ÷ 1996	TCT Sông Đà tại Italy	Cán bộ Kỹ thuật
1996 ÷ 1999	Xí nghiệp vận tải Công ty Sông Đà 5	Phó Giám đốc
2000 ÷ 2001	Chi nhánh 501 - Công ty Sông Đà 5	Phó Phòng kỹ thuật
2001 ÷ 2002	Xí nghiệp Sông Đà 501 - Công ty Sông Đà 5	Phó Giám đốc
2003 ÷ 8/2004	Xí nghiệp Sông Đà 505 - Công ty Sông Đà 5	Giám đốc
9/2004 ÷ nay	Công ty Cổ phần Sông Đà 505	Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc
5/2014 ÷ 2015	Công ty CP thương mại và đầu tư toàn cầu DATC (nay là Công ty cổ phần Điện Bắc Hà)	Phó Chủ tịch HĐQT
1/2015 ÷ nay	Công ty cổ phần Điện Bắc Hà	Chủ tịch HĐQT

Hành vi vi phạm pháp luật : Không

Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong công ty :

- Sở hữu cá nhân : 30.000 cổ phần - 0,19% vốn điều lệ
- Sở hữu đại diện : 7.932.936 cổ phần – 51,18% vốn điều lệ. Trong đó :  
Đại diện cho Công ty cổ phần Sông Đà 505 : 7.932.936 cổ phần, chiếm 51,18% vốn điều lệ.
- Sở hữu của người có liên quan :

Họ tên	Mối quan hệ	Số lượng CP nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu (%)
Nguyễn Thị Hương	Vợ	10.000	0,06
Đặng Minh Huệ	Con ruột	10.000	0,06
Công ty cổ phần Sông Đà 505	Ông Đặng Quang Đạt là Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc CTCP Sông Đà 505, đồng thời là người đại diện vốn của CTCP Sông Đà 505 tại CTCP Điện Bắc Nà	7.932.936	51,18

Các khoản nợ đối với công ty: Không có

Thù lao và lợi ích khác nhận được từ công ty: Thù lao HĐQT

Lợi ích liên quan đối với công ty: Không có

#### 11.1.2. Ông Nguyễn Ngọc Bình – Thành viên HĐQT

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 02/4/1957

Nơi sinh: Hà Tĩnh

Quốc tịch: Việt Nam

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Số 2, ngõ 522 đường Trường Chinh, P. Ngã Tư Sở, Đống Đa, Hà Nội.

CMND số: 011233515

Nơi cấp: Hà Nội

Ngày cấp: 20/3/2008

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ quản trị kinh doanh, Kỹ sư cơ khí ngành Chế tạo máy



Chức vụ đang nắm giữ tại công ty: Thành viên HĐQT

Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Cơ điện và Xây dựng Việt Nam; Tổng giám đốc Công ty CP Thiết bị phụ tùng Cơ điện.

Quá trình công tác:

Từ tháng năm/ đến tháng năm	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 02/1979 đến 9/1981	Trường CNKT bên cạnh Nhà máy Cơ khí NN I.	Giáo viên dạy nghề
Từ 10/1981 đến 6/1986	Nhà máy Cơ khí Nông nghiệp I Hà Nội.	Cán bộ phòng Cung tiêu
Từ 7/1986 đến 12/1992	Nhà máy Cơ khí Nông Nghiệp 1. Phân xưởng cơ khí sửa chữa	Phó Phòng kinh doanh. Quản đốc
Từ 01/1993 đến 03/2000	Xí nghiệp liên doanh kính Long Giang.	Giám đốc
Từ 04/2000- 8/2002	Công ty Cơ điện và PT nông thôn.	Phó Giám đốc
Từ 09/2002- 04/2003	Công ty Cơ điện và PT nông thôn.	Giám đốc
Từ 05/2003 - 12/2003	Công ty Cơ điện và Phát triển nông thôn.	Bí thư Đảng ủy, Giám đốc
Từ 01/2004 đến 6/2005	Tổng Công ty Cơ điện XD NN và Thủy lợi Công ty Cơ điện - Xây dựng NN&TL Hà Nội	Bí thư Đảng ủy, Phó Tổng giám đốc Giám đốc
Từ 07/2005 đến 07/2008	Tổng Công ty Cơ điện Xây dựng Nông nghiệp và Thủy lợi; Công ty Cổ phần Cơ điện và Xây dựng nay là Công ty Cổ phần Cơ điện và Xây dựng Việt Nam.	Quận ủy viên, Bí thư Đảng ủy, Phó Tổng giám đốc Chủ tịch Hội đồng quản trị - kiêm Tổng Giám đốc
Từ 08/2008 đến 01/2010	Tổng Công ty Cơ điện Xây dựng Nông nghiệp và Thủy lợi Công ty Cổ phần Cơ điện và Xây dựng Việt Nam.	Quận ủy viên, Bí thư Đảng ủy, Phó Tổng giám đốc Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Từ 02/2010 đến 04/2010	Công ty Cơ điện Xây dựng Nông nghiệp và Thủy lợi Công ty Cổ phần Cơ điện và Xây dựng Việt Nam.	Quận ủy viên, Phó Tổng giám đốc Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Từ 05/2010 đến 04/2011	Tổng Công ty Cơ điện Xây dựng Nông nghiệp và Thủy lợi Công ty Cổ phần Cơ điện và Xây dựng Việt Nam Công ty cổ phần Thiết bị phụ tùng Cơ điện.	Quận ủy viên, Phó Tổng giám đốc Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Hội đồng Quản trị Tổng giám đốc
Từ 04/2011 đến 8/2015	Công ty Cổ phần Cơ điện và Xây dựng Việt Nam Công ty CP Thiết bị phụ tùng Cơ điện.	Quận ủy viên, Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng giám đốc Tổng giám đốc
Từ 9/2015 đến 3/2016	Công ty Cổ phần Cơ điện và Xây dựng Việt Nam Công ty CP Thiết bị phụ tùng Cơ điện.	Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng giám đốc Tổng giám đốc
Từ 4/2016 đến 3/2018	Công ty Cổ phần Cơ điện và Xây dựng Việt Nam; Công ty CP Thiết bị phụ tùng Cơ điện. Công ty cổ phần Điện Bắc Hà	Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Hội đồng Quản trị Tổng giám đốc Thành viên Hội đồng quản trị
Từ 4/2018 đến nay	Công ty Cổ phần Cơ điện và Xây dựng Việt Nam; Công ty CP Thiết bị phụ tùng Cơ điện. Công ty cổ phần Điện Bắc Hà	Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Hội đồng Quản trị Tổng giám đốc Thành viên Hội đồng quản trị

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong công ty:

- Sở hữu cá nhân: 759.500 cổ phần chiếm 4,9% vốn điều lệ
- Sở hữu đại diện: 4.013.038 cổ phần, chiếm 25,89% vốn điều lệ. Trong đó :  
Đại diện cho Công ty cổ phần Quản lý và khai thác tài sản Thiên Nam: 4.013.038 cổ phần, chiếm 25,89% vốn điều lệ
- Sở hữu của người có liên quan :

Họ tên	Mối quan hệ	Số lượng CP nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu (%)
Công ty cổ phần Quản lý và khai thác tài sản Thiên Nam	Ông Nguyễn Ngọc Bình là người đại diện vốn của CTCP Quản lý và khai thác tài sản Thiên Nam tại CTCP Điện Bắc Nà	4.013.038	25,89

Các khoản nợ đối với công ty: Không có

Thù lao và lợi ích khác nhận được từ công ty: Thù lao thành viên HĐQT

Lợi ích liên quan đối với công ty: Không có

### 11.1.3. Ông Nguyễn Văn Sơn – Thành viên HĐQT

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 24/03/1973

Nơi sinh: Thanh Oai – Hà Nội

Quốc tịch: Việt Nam

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Xã Mỹ Hưng – Huyện Thanh Oai – Hà Nội.

CMND số: 012145988 Nơi cấp: Hà Nội Ngày cấp: 16/05/2013

Trình độ chuyên môn: Phó Giáo sư. Tiến sĩ

Chức vụ đang nắm giữ tại công ty: Thành viên HĐQT

Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Giảng viên, Phó khoa NL, phó viện trưởng viện KTCT – Trường ĐH Thủy lợi

Quá trình công tác:

- 1996 ÷ 2004: Giảng viên – Trường ĐH thủy lợi
- 2004 ÷ 2009: Giảng viên – Trưởng bộ môn Thủy điện – Trường ĐH thủy lợi
- 2009 ÷ 2010: Giảng viên – Trưởng bộ môn Thủy điện, Phó khoa NL – Trường ĐH thủy lợi
- 2010 ÷ 2013: Giảng viên – Trưởng bộ môn Thủy điện, Phó khoa NL, phó viện trưởng viện KTCT – Trường ĐH thủy lợi



- 2013 ÷ nay: Giảng viên, Phó khoa NL, phó viện trưởng viện KTCT – Trường ĐH Thủy lợi
- Tháng 3/2019 ÷ nay : Thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Điện Bắc Hà

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong công ty:

- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần
- Sở hữu đại diện: 0 cổ phần
- Sở hữu của người có liên quan : 0 cổ phần

Các khoản nợ đối với công ty: Không có

Thù lao và lợi ích khác nhận được từ công ty: Thù lao thành viên HĐQT

Lợi ích liên quan đối với công ty: Không có

#### 11.2. Ban kiểm soát

TT	Họ và tên	Chức vụ
1	Vũ Sơn Thủy	Trưởng Ban kiểm soát
2	Nguyễn Đình Phương	Thành viên Ban kiểm soát
3	Ninh Thị Luân	Thành viên Ban kiểm soát

##### 11.2.1. Ông Vũ Sơn Thủy – Trưởng Ban kiểm soát

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 22/07/1977

Nơi sinh: Hải Dương

Quốc tịch: Việt Nam

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Ngõ 217 Đội Cấn - Q. Ba Đình - Hà Nội

CMND số : 013023777 Ngày cấp: 01/09/2008 Nơi cấp: Hà Nội

Trình độ chuyên môn: Cử nhân tài chính- kế toán

Chức vụ đang nắm giữ tại công ty: Trưởng Ban kiểm soát

Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Thành viên HĐQT; Kế toán trưởng Công ty cổ phần Sông Đà 505

Quá trình công tác:

Thời gian (Từ tháng năm đến tháng năm)	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ năm 2000 đến năm 2002	Xí nghiệp 501 - Công ty Xây Dựng Sông Đà 5	Nhân viên Kế toán
Từ năm 2003 đến 08/2004	Xí nghiệp 505 - Công ty Xây Dựng Sông Đà 5	Phó Kế toán trưởng chi nhánh
Từ 09/2004 đến nay	Công ty cổ phần Sông Đà 505	Thành viên HĐQT; Kế toán trưởng
Từ 04/2015 đến nay	Công ty cổ phần Điện Bắc Hà	Trưởng Ban kiểm soát

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong công ty:

- Sở hữu cá nhân: 22.000 cổ phần chiếm 0,14% vốn điều lệ
- Sở hữu đại diện: 0 cổ phần
- Sở hữu của người có liên quan :

Họ tên	Mối quan hệ	Số lượng CP nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu (%)
Nguyễn Thị Ngọc Bích	Vợ	1.000	0,0063
An Văn Dũng	Anh rể	1.000	0,0063
Phạm Văn Quyền	Em rể	1.000	0,0063
Công ty cổ phần Sông Đà 505	Ông Vũ Sơn Thùy là Thành viên HĐQT, Kế toán trưởng CTCP Sông Đà 505	7.932.936	51,18

Các khoản nợ đối với công ty: Không có

Thù lao và lợi ích khác nhận được từ công ty: Thù lao thành viên Ban kiểm soát

Lợi ích liên quan đối với công ty: Không có

**11.2.2. Ông Nguyễn Đình Phương – Thành viên Ban kiểm soát**

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 19/10/1962

Nơi sinh: Xã Thạch Châu, Huyện Lộc Hà, Tỉnh Hà Tĩnh

Quốc tịch: Việt Nam

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Nhà A32TT7 khu đô thị Văn Quán, Phường Phúc la, Hà Đông, Hà Nội

CMND số: 042062000023 Nơi cấp: Hà Nội Ngày cấp: 30/12/2014

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư thủy lợi

Chức vụ đang nắm giữ tại công ty: Thành viên Ban kiểm soát

Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Phó Giám đốc Công ty cổ phần Sông Đà 505

Quá trình công tác:

Thời gian (Từ tháng năm đến tháng năm)	Đơn vị công tác	Chức vụ
8/1985 đến 8/1990	Công ty XD Thủy công, TCT XD Sông đà	Kỹ thuật
9/1990 đến 1/1996	Công ty XD Thủy điện Vĩnh sơn, TCT XD Sông đà	Phó giám đốc Xí nghiệp
2/1996 đến 11/1997	Công ty XD Sông đà 5, TCTXD Sông đà	Trưởng phòng kỹ thuật
12/ 1997 đến 4/2001	Công ty XD Sông đà 5, TCTXD Sông đà	Phó giám đốc công ty
5/2001 đến 4/2015	Công ty TNHH Tư vấn XD Sông đà-Ucrin,	Phó giám đốc công ty
5/2015 đến nay	Công ty cổ phần Sông đà 505	Phó giám đốc công ty
3/2019 đến nay	Công ty cổ phần Điện Bắc Hà	Thành viên Ban Kiểm soát

Hành vi vi phạm pháp luật: Không



Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong công ty:

- Sở hữu cá nhân: 10.000 cổ phần chiếm 0,064% vốn điều lệ
- Sở hữu đại diện: 0 cổ phần
- Sở hữu của người có liên quan :

Họ tên	Mối quan hệ	Số lượng CP nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu (%)
Nguyễn Thị Năm	Vợ	5.000	0,032
Nguyễn Nhất Nam	Con ruột	5.000	0,032
Công ty cổ phần Sông Đà 505	Ông Nguyễn Đình Phương là Phó giám đốc CTCP Sông Đà 505	7.932.936	51,18

Các khoản nợ đối với công ty: Không có

Thù lao và lợi ích khác nhận được từ công ty: Thù lao thành viên BKS

Lợi ích liên quan đối với công ty: Không có

### 11.2.3. Bà Ninh Thị Luân – Thành viên Ban kiểm soát

Giới tính: Nữ

Ngày sinh: 12/09/1963

Nơi sinh: Yên Khánh, Ý Yên, Nam Định

Quốc tịch: Việt Nam

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Nhà vườn số 26 Mecco Complex, 102 Trường Chinh, Phương Mai, Đống Đa, Hà Nội

CMND số: 012927484      Cấp ngày: 19/10/2006      Nơi cấp: Hà Nội

Trình độ chuyên môn: Đại học Tài chính kế toán – chuyên ngành Kế toán ; Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

Chức vụ đang nắm giữ tại công ty: Thành viên Ban kiểm soát

Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Kế toán trưởng Công ty cổ phần Quản lý và khai thác tài sản Thiên Nam

Quá trình công tác:

Từ tháng năm/ đến tháng năm	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 6/1985 đến 9/1994	Công ty lương thực Ý Yên - Nam Hà.	Kế toán tổng hợp
Từ 10/1994 đến 6/1996	Công ty Vật liệu giao thông 2 Tam Điệp - Ninh Bình.	Nhân viên kế toán
Từ 7/1996 đến 8/1996	Công ty Xây dựng và sản xuất vật liệu Giao thông 529 - Ninh Bình.	Nhân viên kế toán
Từ 9/1996 đến 8/1997	Công ty XD và SX vật liệu Giao thông 529 - Ninh Bình.	Phó Trưởng phòng Tài chính Kế toán
Từ 9/1997 đến 4/1999	Nhà máy xi măng Công ty XD và SX vật liệu Giao thông 529 - Ninh Bình.	Trưởng ban kế toán
Từ 4/1999 đến 12/2003	Công ty Xây dựng và sản xuất vật liệu Giao thông 529 - Ninh Bình.	Phó trưởng phòng Tài chính kế toán
Từ 1/2004 đến 12/2004	Công ty Cơ điện Xây dựng Nông nghiệp và Thủy lợi Hà Nội.	Chuyên viên chính
Từ 01/2005 đến 7/2005	Công ty Cơ điện Xây dựng Nông nghiệp và Thủy lợi Hà Nội.	Phó trưởng phòng Tài chính - Kế toán
Từ 08/2005 đến 04/2006	Công ty Cổ phần Cơ điện và Xây dựng.	Phó phòng Tài chính - kế toán
Từ 05/2006 đến 05/2007	Công ty Cổ phần Cơ điện và Xây dựng.	Quyền Kế toán trưởng, kiêm Trưởng phòng Tài chính Kế toán
Từ 06/2007 đến 12/2011	Công ty Cổ phần Cơ điện và Xây dựng	Kế toán trưởng kiêm Trưởng phòng Tài chính kế toán
Từ 01/2012 đến 3/2014	Công ty Cổ phần Cơ điện và Xây dựng Việt Nam.	Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng kiêm Trưởng phòng TCKT
Từ 3/2014 đến 3/2016	Công ty Cổ phần Cơ điện và Xây dựng Việt Nam. Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác tài sản Thiên Nam	Phó Tổng giám đốc; Kế toán trưởng Kế toán trưởng
Từ 4/2016 đến 3/2018	Công ty Cổ phần Cơ điện và	Phó Tổng giám đốc



	Xây dựng Việt Nam. Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác tài sản Thiên Nam Công ty Cổ phần Điện Bắc Hà	Kế toán trưởng Thành viên Ban kiểm soát
Từ 4/2018 đến nay	Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác tài sản Thiên Nam Công ty Cổ phần Điện Bắc Hà	Kế toán trưởng Thành viên Ban kiểm soát

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong công ty:

- Sở hữu cá nhân: không
- Sở hữu đại diện: không
- Sở hữu của người có liên quan:

Họ tên	Mối quan hệ	Số lượng CP nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu (%)
Công ty cổ phần Quản lý và khai thác tài sản Thiên Nam	Bà Ninh Thị Luân là Kế toán trưởng của CTCP Quản lý và khai thác tài sản Thiên Nam	4.013.038	25,89

Các khoản nợ đối với công ty: Không có

Thù lao và lợi ích khác nhận được từ công ty: Thù lao thành viên Ban kiểm soát

Lợi ích liên quan đối với công ty: Không có

### 11.3. Thành viên Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Lê Văn Khánh	Tổng giám đốc
2	Kế toán trưởng	Nguyễn Đình Nghĩa

#### 11.3.1. Ông Lê Văn Khánh – Tổng giám đốc

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 14/4/1979

Nơi sinh: Phú Lương – Nam Đông – Thành Phố Hải Dương – Tỉnh Hải Dương



Quốc tịch: Việt Nam

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Phú Lương – Nam Đồng – Thành Phố Hải Dương – Tỉnh Hải Dương

CMND số: 030079001947

Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Ngày cấp: 08/03/2018

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư điện kỹ thuật

Chức vụ đang nắm giữ tại công ty: Tổng Giám đốc

Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không có

Quá trình công tác:

Từ tháng năm/ đến tháng năm	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 07/2003 đến 12/2003	Ban QLDA thủy điện Nậm Chiến	Nhân viên phòng QL kỹ thuật
Từ 12/2003 đến 12/2005	Công ty Cổ phần Sông Đà 4	Nhân viên phòng QL cơ giới
Từ 1/2006 đến 12/2009	Công ty Cổ phần thủy điện Nậm Chiến – Sơn La	Tổ trưởng tổ cơ điện
Từ 1/2010 đến 5/2012	Công ty Cổ phần thủy điện Sập Việt	Phụ trách phòng thiết bị
Từ 12/2015 đến 4/2016	Công ty Cổ phần Sông Đà 704	Phó phòng QL cơ giới
Từ 05/2016 đến 2/2019	Công ty Cổ phần điện Bắc Hà	Phó ban chuẩn bị sản xuất Giám Đốc
Từ 03/2019 đến nay	Công ty Cổ phần điện Bắc Hà	Tổng Giám Đốc

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong công ty:

- Sở hữu cá nhân: 55.000 cổ phần chiếm 0,35% vốn điều lệ

- Sở hữu đại diện: 0 cổ phần

- Sở hữu của người có liên quan :

Họ tên	Mối quan hệ	Số lượng CP nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu (%)
--------	-------------	---------------------	------------------

Phạm Thị Hằng	Vợ	10.000	0,064
---------------	----	--------	-------

Các khoản nợ đối với công ty: Không có

Thù lao và lợi ích khác nhận được từ công ty: Thù lao Tổng giám đốc

Lợi ích liên quan đối với công ty: Không có

### 11.3.2. Ông Nguyễn Đình Nghĩa – Kế toán trưởng

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 21/7/1974

Nơi sinh: Hoàng Ngô – Quốc Oai – Hà Tây

Quốc tịch: Việt Nam

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Số B5/112 tổ 16, Kiến Hưng, Hà Đông, Hà Nội

CMND số: 001074015341

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư Ngày cấp: 23/06/2017

Trình độ chuyên môn: Đại học Tài chính kế toán – chuyên ngành Kế toán

Chức vụ đang nắm giữ tại công ty: Kế toán trưởng

Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không

Quá trình công tác:

Thời gian ( Từ tháng năm đến tháng năm )	Đơn vị công tác	Chức Vụ
Từ 5/1999 đến 10/2005	Công ty Cổ Phần Sông Đà 9	Kế toán Tổng Hợp
Từ 11/2005 đến 11/2013	Công Ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mu	Kế toán trưởng – BQL các dự án thủy điện Nậm Mu
Từ 12/2013 đến nay	Công ty Cổ phần Điện Bắc Nà	Kế toán trưởng

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong công ty:

- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần
- Sở hữu đại diện: 0 cổ phần
- Sở hữu của người có liên quan : 0 cổ phần

Các khoản nợ đối với công ty: Không có

Thù lao và lợi ích khác nhận được từ công ty: Không có

Lợi ích liên quan đối với công ty: Không có



## 12. Tài sản

## ❖ Tài sản cố định:

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2018			30/09/2019		
	Nguyên giá	Giá trị còn lại	% GTCL/NG	Nguyên giá	Giá trị còn lại	% GTCL/NG
Tài sản cố định hữu hình	423.687.005.513	386.672.110.563	91%	423.687.005.513	372.854.929.386	88%
Nhà cửa, vật kiến trúc	281.005.343.959	258.524.916.445	92%	281.005.343.959	250.094.756.134	89%
Máy móc thiết bị	141.931.162.645	127.738.046.379	90%	141.931.162.645	122.415.627.783	86%
Phương tiện, vận tải	689.090.909	409.147.739	59%	689.090.909	344.545.469	50%
Thiết bị, dụng cụ quản lý	61.408.000	-	0%	61.408.000	-	0%
Tài sản cố định vô hình	-	-	-	-	-	-
<b>Tổng Cộng</b>	<b>423.687.005.513</b>	<b>386.672.110.563</b>	<b>91%</b>	<b>423.687.005.513</b>	<b>372.854.929.386</b>	<b>88%</b>

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2018, BCTC Quý 3/ 2019

❖ Tình hình quản lý và sử dụng đất đai:

STT	Địa điểm	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Mục đích sử dụng	Hồ sơ pháp lý của lô đất	Công trình trên đất	Hình thức thuê, giao đất	Thời hạn
1	Khu đất tại xã Bản Liên và xã Thái Giàng Phố - Huyện Bắc Hà – Tỉnh Lào Cai	136.798,70	Đất công trình năng lượng	- Hợp đồng thuê đất số 21 ngày 29 tháng 03 năm 2017 và HĐ thuê đất số 35 ngày 20 tháng 06 năm 2017 - Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BU 623490 và số CK 414150	Nhà máy thủy điện Bắc Nà	Thuê đất trả tiền hàng năm	50 năm kể từ ngày ký hợp đồng thuê đất

Nguồn: Công ty cổ phần Điện Bắc Nà

## ❖ Chi phí xây dựng cơ bản dở dang:

	31/12/2017	31/12/2018	30/09/2019
Dự án Thủy điện Bắc Nà 1	1.667.028.510	4.840.927.674	50.906.873.418
<b>Cộng</b>	<b>1.667.028.510</b>	<b>4.840.927.674</b>	<b>50.906.873.418</b>

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2018, BCTC Q3/2019

## ❖ Chi phí trả trước dài hạn:

	31/12/2017	31/12/2018	30/09/2019
Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng chờ phân bổ (*)	12.418.365.283	12.418.365.283	12.418.365.283
<b>Cộng</b>	<b>12.418.365.283</b>	<b>12.418.365.283</b>	<b>12.418.365.283</b>

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2018, BCTC Q3/2019

(\*) Đây là chi phí đền bù giải phóng mặt bằng của Dự án Thủy điện Bắc Nà. Khoản chi phí này sẽ được trừ vào tiền thuê đất phải nộp theo quy định tại Khoản 2 Điều 13 Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước. Chênh lệch còn lại (nếu có) thì công ty sẽ thực hiện phân bổ theo thời gian thuê đất. Hiện nay công ty đang làm thủ tục với các cơ quan chức năng để xác định mức được trừ vào tiền thuê đất. Dự kiến đến quý 4/2020, công ty sẽ hoàn tất thủ tục trên.

## 13. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong các năm tiếp theo

## 13.1 Kế hoạch doanh thu – lợi nhuận năm 2019 - 2020

Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2018	Kế hoạch năm 2019		Kế hoạch năm 2020	
	Giá trị (đồng)	Giá trị (đồng)	% tăng giảm so với năm 2018	Giá trị (đồng)	% tăng giảm so với năm 2019
Vốn điều lệ	155.000.000.000	155.000.000.000	-	155.000.000.000	-
Doanh thu thuần	79.658.359.230	76.196.000.000	- 4%	76.196.000.000	-
Lợi nhuận	22.458.756.382	19.045.000.000	-15%	19.045.000.000	-



sau thuế					
Tỷ lệ LNST/DTT	28,19%	24,99%	/	24,99%	/
Tỷ lệ LNST/VĐL	14,49%	12,29%	/	12,29%	/
Cổ tức/vốn điều lệ	12%	12%	/	12%	/

Nguồn: Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2019 và kế hoạch năm 2020 của HĐQT Công ty

### 13.2 Căn cứ xây dựng kế hoạch lợi nhuận và cổ tức nói trên

Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức của Công ty được lập căn cứ vào dự đoán và ước tính dựa trên các thông tin giả định tại thời điểm lập kế hoạch. Các ước tính này có thể được điều chỉnh khi tình hình thực tế có nhiều thay đổi.

Năm 2019, dự kiến doanh thu bán điện thương phẩm của công ty đạt 69,5 tỷ đồng, giảm 4,5% so với doanh thu bán điện thương phẩm năm 2018 (72,8 tỷ đồng) do ước tính giá điện bình quân năm 2019 giảm so với năm 2018.

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	2018	2019
Sản lượng điện bình quân năm	Triệu kw	55,25	55,6
Giá điện bình quân	Triệu đồng	1.318	1.250
<b>Doanh thu bán điện thương phẩm</b>	<b>Triệu đồng</b>	<b>72.812</b>	<b>69.485</b>
Doanh thu khác (dịch vụ MT rừng, thuế TN...)	Triệu đồng	6.846	6.711
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>Triệu đồng</b>	<b>79.658</b>	<b>76.196</b>

Trên cơ sở thực hiện các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh đã đạt được, Ban điều hành Công ty đã đề ra một số biện pháp cụ thể căn cứ để đạt kế hoạch cho năm 2019 - 2020 như sau:

- Tiếp tục vận hành và khai thác Nhà máy Thủy điện Bắc Nà để đem lại hiệu quả cao

nhất.

- Đầu tư dự án thủy điện Bắc Nà 1: với công suất lắp máy 2,8 MW và điện lượng bình quân năm là 9,17 triệu Kwh.
- Tiếp tục nghiên cứu và tìm kiếm cơ hội đầu tư những dự án khác.

\* Kết quả sản xuất kinh doanh 9 tháng đầu năm 2019:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch cả năm 2019	Thực hiện 9 tháng đầu năm 2019	Tỷ lệ % hoàn thành kế hoạch năm 2019
Sản lượng điện bình quân năm	Triệu kw	55,6	31,96	57,5%
Giá điện bình quân	Triệu đồng	1.250	1.303	/
<b>Doanh thu bán điện thương phẩm</b>	<b>Triệu đồng</b>	<b>69.485</b>	<b>41.660</b>	<b>60%</b>
Doanh thu khác (dịch vụ MT rừng, thuế TN...)	Triệu đồng	6.711	6.164	91,8%
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>Triệu đồng</b>	<b>76.196</b>	<b>45.824</b>	<b>60,13%</b>
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	<b>Triệu đồng</b>	<b>19.045</b>	<b>5.849</b>	<b>30,7%</b>

Trong 9 tháng đầu năm 2019, hoạt động phát điện của công ty gặp một số khó khăn nhất định khi lưu lượng nước trên dòng chảy suối Bắc Nà giảm thấp. Theo đó, sản lượng điện thương phẩm 9 tháng đầu năm 2019 chỉ đạt 31,96 triệu kwh, hoàn thành 57,5% so với kế hoạch năm 2019. Bên cạnh đó, giá bán điện bình quân 9 tháng đầu năm 2019 giảm 1,14% so với năm 2018 (từ 1.318 đồng/kwh giảm xuống 1.303 đồng/kwh) nên doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ đạt 60,13% kế hoạch cả năm. Lợi nhuận sau thuế 9 tháng đầu năm 2019 đạt 5,8 tỷ đồng, hoàn thành đạt 30,7% kế hoạch cả năm 2019. Với tình hình khó khăn hiện nay, Công ty nhận định lợi nhuận sau thuế thực hiện cả năm 2019 chỉ đạt khoảng 9 tỷ đồng (hoàn thành 47,3% kế hoạch năm).

### 13.3. Kế hoạch đầu tư, dự án đã được Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị thông qua



Hiện nay, Công ty đang đầu tư Dự án Thủy Điện Bắc Hà 1 theo chủ trương đầu tư được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 224/NQ-ĐHCD ngày 06/01/2018 và Nghị quyết Hội đồng quản trị số 226/NQ-HĐQT ngày 08/01/2018.

Địa điểm dự án: Xã Thái Giàng Phố, huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai.

Mục tiêu dự án: Cung cấp lượng điện bình quân năm  $E_o = 9,17$  triệu kwh/năm vào lưới điện quốc gia.

Một số thông số kỹ thuật của dự án:

- Cấp điện áp hòa đồng bộ lên lưới: 35 KV
- Cột nước tính toán: 121,57 m
- Công suất lắp máy: 2,8 MW
- Công suất đảm bảo: 0,5 MW

Khởi công xây dựng công trình: Tháng 6/2018

Nghị quyết ĐHĐCD thường niên năm 2019 số 14/NQ-ĐHCD ngày 10/3/2019 thông qua kế hoạch chi tiết đầu tư dự án Thủy điện Bắc Hà 1 như sau:

*Đơn vị tính: 1.000 đồng*

TT	Nội dung công việc	Tổng mức đầu tư	Thực hiện 2018	Kế hoạch 2019
1	Chi phí xây dựng	31.430.065	11.205.158	20.224.907
2	Chi phí thiết bị	22.649.285		22.649.285
3	Chi phí đền bù	3.000.000	1.619.836	750.000
4	Chi phí thiết kế + Chi phí khác	22.928.125	10.770.341	12.157.784
5	Thuế VAT	5.519.272	1.382.873	4.136.399
	<b>Cộng</b>	<b>85.526.747</b>	<b>24.978.208</b>	<b>59.918.375</b>

Theo kế hoạch sẽ hoàn thành công tác xây dựng lắp đặt dự án và đảm bảo mốc thời gian phát điện là 31/12/2019.



Đến nay, Dự án thủy điện Bắc Hà 1 đã xong các thủ tục pháp lý theo quy định, hoàn thành xong đền bù giải phóng mặt bằng, công trình phụ trợ, đập dâng vai phải. Ngoài ra, các hạng mục khác của dự án đã thi công đạt 90% như: Cụm đầu mối, tuyến năng lượng, nhà máy hiện đang lắp đặt thiết bị... Dự kiến tháng 1 năm 2020 sẽ phát điện nhà máy thủy điện Bắc Hà 1.

**14. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức**

Với tư cách là tổ chức tư vấn chuyên nghiệp, Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội đã tiến hành thu thập thông tin, nghiên cứu phân tích và đưa ra những đánh giá dự báo về hoạt động kinh doanh của Công ty cổ phần Điện Bắc Hà. Nếu không có những biến động bất thường và bất khả kháng tác động đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp thì kế hoạch lợi nhuận mà Công ty đưa ra là có tính khả thi và Công ty có thể đảm bảo được kế hoạch doanh thu và lợi nhuận hàng năm như kế hoạch.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn, dựa trên những cơ sở thông tin được thu thập có chọn lọc và dựa trên lý thuyết về tài chính, chứng khoán mà không hàm ý bảo đảm giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Nhận xét này chỉ mang tính tham khảo với nhà đầu tư khi tự mình ra quyết định đầu tư.

**15. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết**

Không có.

**16. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán niêm yết**

Không có.

**V. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT**

**1. Loại chứng khoán**

Cổ phiếu phổ thông

**2. Mã chứng khoán**

EBA

**3. Mệnh giá**

10.000 đồng/cổ phần

**4. Tổng số chứng khoán niêm yết**

15.500.000 cổ phần

**5. Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của tổ chức phát hành**

Theo Quy định tại Khoản 1 Điều 54 Nghị định 58/2012/NĐ-CP ngày 20/07/2012 về điều kiện đăng ký niêm yết cổ phiếu trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội: “Cổ đông là cá nhân, tổ chức có đại diện sở hữu là thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Phó Giám đốc (Phó Tổng Giám đốc) và Kế toán trưởng của công ty; cổ đông lớn là người có liên quan với thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Phó Giám đốc (Phó Tổng Giám đốc) và Kế toán trưởng của công ty phải cam kết nắm giữ 100% số cổ phiếu do mình sở hữu trong thời gian 06 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% số cổ phiếu này trong thời gian 06 tháng tiếp theo, không tính số cổ phiếu thuộc sở hữu Nhà nước do các cá nhân trên đại diện nắm giữ”.

Trên cơ sở đó, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng và cổ đông lớn là người có liên quan đến người nội bộ của Công ty cổ phần Điện Bắc Hà cam kết giữ 100% cổ phần do mình sở hữu trong thời gian 6 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% số cổ phần trong thời gian 6 tháng tiếp theo theo quy định trên với chi tiết như sau:

TT	Họ và tên	Chức vụ	SLCP sở hữu	SLCP cam kết nắm giữ trong vòng 6 tháng	SLCP cam kết nắm giữ trong vòng 1 năm
1	Đặng Quang Đạt	Chủ tịch HĐQT	30.000	30.000	15.000
2	Nguyễn Ngọc Bình	Thành viên HĐQT	759.500	759.500	379.750
3	Vũ Sơn Thủy	Trưởng Ban kiểm soát	22.000	22.000	11.000
4	Nguyễn Đình Phương	Thành viên Ban kiểm soát	10.000	10.000	5.000
5	Lê Văn Khánh	Tổng Giám đốc	55.000	55.000	27.500



6	Công ty cổ phần Sông Đà 505	Cổ đông lớn là người có liên quan đến người nội bộ	7.932.936	7.932.936	3.966.468
7	Công ty cổ phần Quản lý và khai thác tài sản Thiên Nam	Cổ đông lớn là người có liên quan đến người nội bộ	4.013.038	4.013.038	2.006.519
	<b>Tổng cộng</b>		<b>12.822.474</b>	<b>12.822.474</b>	<b>6.411.237</b>

Nguồn: Công ty Cổ phần Điện Bắc Hà

## 6. Phương pháp tính giá

### 6.1 Giá trị sổ sách

Chỉ tiêu	31/12/2017	31/12/2018	30/09/2019
Vốn chủ sở hữu (đồng)	154.766.117.962	181.724.874.344	168.974.140.835
Số lượng cổ phần lưu hành (cổ phần)	13.500.000	15.500.000	15.500.000
Giá trị sổ sách mỗi cổ phần (đồng/cổ phần)	11.464	11.724	10.902

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2018; BCTC Q3/2019

### 6.2 Phương pháp tính giá

Giá tham chiếu dự kiến của cổ phiếu trong ngày giao dịch đầu tiên được xác định dựa trên việc tham khảo kết quả định giá cổ phiếu của Công ty theo 02 phương pháp sau đây:

- Phương pháp so sánh P/B (Giá trên giá trị sổ sách mỗi cổ phần)
- Phương pháp so sánh P/E (Giá trên thu nhập mỗi cổ phần)

Chúng tôi sử dụng số liệu của một số công ty hiện đang niêm yết, có cùng ngành nghề hoạt động với Công ty Cổ phần Điện Bắc Hà để làm cơ sở so sánh. Theo đó, cơ sở để lựa chọn các công ty thực hiện so sánh như sau:



- Trong đồng về ngành nghề hoạt động: sản xuất và kinh doanh thủy điện
- Đang niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Tp. HCM hoặc Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội
- Có đủ dữ liệu so sánh

❖ **Định giá cổ phiếu theo phương pháp P/E**

Theo phương pháp này, giá một cổ phiếu của công ty được tính theo công thức:

$$P = \text{EPS} * \text{P/E bình quân}$$

Trong đó:

- P: Giá một cổ phiếu (theo phương pháp P/E)
- EPS: Thu nhập trên mỗi cổ phần của Công ty cổ phần Điện Bắc Hà
- P/E bình quân: là giá chia cho thu nhập trên mỗi cổ phần bình quân được tham chiếu từ các Công ty cùng ngành mà Công ty có cùng điều kiện và quy mô kinh doanh tương ứng đang niêm yết trên sở giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh hoặc Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

❖ **Định giá cổ phiếu theo phương pháp P/B:**

Theo phương pháp này, giá một cổ phiếu của Công ty được tính theo công thức:

$$P = \text{BV} * \text{P/B bình quân}$$

Trong đó:

- P: Giá một cổ phiếu (theo phương pháp P/B)
- BV: Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần của Công ty cổ phần Điện Bắc Hà
- P/B bình quân: là giá chia cho giá trị sổ sách bình quân được tham chiếu từ các Công ty cùng ngành mà Công ty có cùng điều kiện và quy mô kinh doanh tương ứng đang niêm yết trên sở giao dịch chứng khoán TP, Hồ Chí Minh hoặc Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

**7. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài**

Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty không giới hạn tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu của Công ty đối với người nước ngoài. Sau khi niêm yết cổ phiếu trên Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội, tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu Công ty Cổ phần Điện Bắc Hà của nhà đầu tư

nước ngoài phải tuân thủ theo quy định tại Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26/06/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2012/NĐ-CP và Thông tư số 123/2015/TT-BTC ngày 18/08/2015 của Bộ Tài chính về hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

Số lượng cổ phần của các cổ đông nước ngoài đến ngày 26/09/2019 là 0 cổ phần, tương ứng với tỷ lệ 0% số lượng cổ phần đã phát hành.

## **8. Các loại thuế có liên quan**

### **8.1. Các loại thuế liên quan đến hoạt động công ty:**

#### **❖ Thuế Giá trị Gia tăng (GTGT):**

Áp dụng mức thuế suất 10% đối với hoạt động bán điện thương phẩm;

#### **❖ Thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN):**

Công ty được hưởng ưu đãi đối với dự án thủy điện như sau:

- + Áp dụng thuế suất 10% trong 15 năm kể từ khi có doanh thu từ dự án đầu tư. Năm 2017 là năm đầu tiên Nhà máy thủy điện Bắc Nà đi vào hoạt động, do đó, Công ty được hưởng thuế suất ưu đãi 10% từ năm 2017 đến năm 2031.
- + Miễn thuế 4 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo kể từ khi Công ty có thu nhập chịu thuế từ dự án đầu tư. Năm 2017 là năm đầu tiên Công ty phát sinh thu nhập chịu thuế.

#### **❖ Thuế Tài nguyên:**

Thuế tài nguyên được áp dụng đối với nước thiên nhiên dùng cho sản xuất thủy điện theo quy định tại Nghị quyết số 1084/2015/UBTVQH13 ngày 10/12/2015 với mức thuế suất là 5%.

#### **❖ Các loại thuế khác:**

Các loại thuế khác như thuế môn bài, thuế trước bạ, thuế thu nhập cá nhân... được Công ty thực hiện theo đúng quy định hiện hành tại Việt Nam.

### **8.2. Các loại thuế liên quan đến nhà đầu tư, cổ đông của Công ty**

#### **❖ Đối với nhà đầu tư cá nhân.**

Theo quy định tại Điều 10, Điều 11 của Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày



15/08/2013 và Điều 16 Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15/06/2015, thu nhập từ đầu tư vốn (lợi tức cổ tức) và thu nhập từ chuyển nhượng vốn (thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán). Mức thuế suất đối với từng loại như sau:

- + Thuế suất đối với thu nhập từ đầu tư vốn (lợi tức cổ tức): 5%
- + Thuế suất đối với thu nhập từ chuyển nhượng vốn (thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán): 0,1% trên giá chuyển nhượng chứng khoán từng lần

❖ **Đối với nhà đầu tư tổ chức**

Nhà đầu tư là tổ chức đăng ký kinh doanh tại Việt Nam phải chịu một khoản thuế đóng trên phần chênh lệch giá khi bán cổ phiếu như sau:

Thuế thu nhập từ chênh lệch giá do bán cổ phiếu = Thu nhập chịu thuế x Thuế suất

Trong đó:

- + Thu nhập chịu thuế = Tổng giá trị chứng khoán bán ra trong kỳ - Tổng giá mua chứng khoán được bán ra trong kỳ - Chi phí liên quan đến việc chuyển nhượng
- + Thuế suất = Thuế suất thuế TNDN của tổ chức đầu tư

Nhà đầu tư là tổ chức nước ngoài không có đăng ký kinh doanh tại Việt Nam, chỉ mở tài khoản giao dịch chứng khoán tại Việt Nam phải chịu một khoản thuế khi bán cổ phiếu như sau:

- + Thuế khoán từ việc bán cổ phiếu = Tổng giá trị cổ phiếu bán ra của từng giao dịch chuyển nhượng x 0,1%



## VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT

### 1. Tổ chức tư vấn niêm yết

#### CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI

Trụ sở chính : Tầng 1-5 Tòa nhà Unimex Hà Nội, số 41 Ngô Quyền, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại : (84.24) 3818 1888 Fax: (84.24) 3818 1688

Website [www.shs.com.vn](http://www.shs.com.vn)

Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh Tầng 3, Tòa nhà Artex, Số 236 – 238 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, Tp.HCM

Điện thoại (84.28) 3915 1368 Fax: (84.28) 3915 1369

Chi nhánh Đà Nẵng Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2, Số 03 Lê Đình Lý, P.Vĩnh Trung Q. Thanh Khê, Đà Nẵng

Điện thoại (84.236) 3525 777 Fax: (84.236) 3525 779

### 2. Tổ chức kiểm toán

#### Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC

Trụ sở chính: Lô 78-80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Điện thoại: 0236.3655886 Fax: 0236.3655887

Web: [www.aac.com.vn](http://www.aac.com.vn)

## VII. PHỤ LỤC

1. Phụ lục I: Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh
2. Phụ lục II: Bản sao hợp lệ Điều lệ Tổng công ty
3. Phụ lục III: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2018, báo cáo tài chính Quý 3/2019;

Hà Nội, ngày 22 tháng 11 năm 2019

**TỔ CHỨC NIÊM YẾT  
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN BẮC HÀ**

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



**ĐẶNG QUANG ĐẠT**

**TỔNG GIÁM ĐỐC**

**LÊ VĂN KHÁNH**

**TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT**

**VŨ SƠN THỦY**

**KẾ TOÁN TRƯỞNG**

**NGUYỄN ĐÌNH NGHĨA**

**TỔ CHỨC TƯ VẤN  
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI**

**PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



**TRẦN THỊ THU THANH**